

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, dưới sự nghiệp kinh tế quốc tế, nhất là khi Việt Nam gia nhập tổ chức WTO, đã mang lại nhiều cơ hội cũng như những thách thức trong việc phát triển kinh tế. Vấn đề đặt ra cho các Doanh nghiệp là cần phải năng động và sáng tạo, sử dụng đồng vốn có hiệu quả, làm cho Doanh nghiệp ngày càng phát triển đi lên vững mạnh. Bởi vậy, các Doanh nghiệp phải luôn luôn quan tâm đến hiệu quả kinh doanh, chú trọng tất cả các khâu từ sản xuất, lưu thông, phân phối đến tiêu dùng. Trong đó không thể không kể đến công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp. Nó góp phần phản ánh và cung cấp chính xác, kịp thời những thông tin cho các cấp lãnh đạo của Doanh nghiệp để có căn cứ đưa ra các quyết định, chính sách, biện pháp phù hợp và kịp thời tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp đạt hiệu quả hơn. Và công ty Cổ Phần Việt Xô cũng không nằm ngoài quy luật đó.

Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của vấn đề nêu trên, em đã chọn đề tài “ *Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Việt Xô*” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp. Nội dung khóa luận của em gồm có 3 phần:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Việt Xô

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Việt Xô

Qua bài viết này, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn, giúp đỡ nhiệt tình của Thạc sĩ Nguyễn Thị Thúy Hồng – Giảng viên trường ĐHDL Hải Phòng cùng các thầy cô và anh chị trong phòng kế toán đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này. Kính mong các Thầy cô chỉ bảo, bổ sung để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2010

Sinh viên

Bùi Thị Trang

CHƯƠNG 1:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ

KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Một số vấn đề chung về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1 Các khái niệm cơ bản liên quan đến bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1.1 Bán hàng

Bán hàng là quá trình chuyển quyền sở hữu hàng hóa gắn với việc chuyển giao phần lợi ích hoặc rủi ro cho khách hàng, đồng thời được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

Quá trình bán hàng là giai đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh, nó có ý nghĩa quan trọng đối với các doanh nghiệp bởi: đây là quá trình chuyển hóa vốn của doanh nghiệp từ hình thái hiện vật sang hình thái giá trị (tiền tệ), giúp cho các doanh nghiệp thu hồi vốn để tiếp tục quá trình sản xuất kinh doanh tiếp theo.

Quá trình bán hàng được coi là hoàn thành khi có đủ 2 điều kiện sau:

- Đơn vị bán phải chuyển quyền sở hữu hàng hóa đó.
- Đơn vị mua đã thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

Tiêu thụ hàng hóa để thỏa mãn nhu cầu của đơn vị ngoài doanh nghiệp được gọi là tiêu thụ ra ngoài. Trường hợp cung cấp giữa các đơn vị trong cùng một công ty, tổng công ty gọi là tiêu thụ nội bộ.

Khi hàng hóa được giao cho người mua và người bán đã hoặc sẽ thu được tiền thì khi đó quá trình bán hàng mới hoàn tất. Quá trình này diễn ra nhanh hay chậm, đơn giản hay phức tạp có mối quan hệ chặt chẽ với các phương thức bán hàng. Số tiền thu được từ hoạt động bán hàng được gọi là doanh thu bán hàng.

1.1.1.2 Các phương thức bán hàng

Bán hàng là giai đoạn cuối cùng của giai đoạn tuần hoàn vốn trong doanh nghiệp. Xét từ góc độ kinh tế, bán hàng là quá trình chuyển giao sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho người mua, người đặt hàng và nhận lại từ họ số tiền tương ứng.

Để hoạt động kinh doanh có hiệu quả, doanh nghiệp cần biết áp dụng linh hoạt các phương thức tiêu thụ sau:

***Phương thức tiêu thụ trực tiếp**

Phương thức tiêu thụ trực tiếp là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho (hay trực tiếp tại các phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp. Số hàng khi bàn giao cho khách hàng chính thức được coi là tiêu thụ và người bán mất quyền sở hữu về số hàng này. Người mua phải thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán số tiền hàng khi người bán đã giao hàng.

***Phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận**

Là phương thức bên bán có trách nhiệm chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì mới được coi là bán hàng và khi đó người bán mất quyền sở hữu về số hàng này.

***Phương thức bán hàng đại lý, ký gửi**

Là phương thức mà bên chủ hàng (bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được nhận hoa hồng. Khi chủ hàng xuất giao hàng cho đại lý thì số hàng đó chưa được coi là tiêu thụ và vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi nào bên Đại lý thông báo đã bán được hàng hoặc chấp nhận thanh toán cho bên chủ hàng thì khi đó mới xác định là tiêu thụ hàng hóa. Với hình thức tiêu thụ này đòi hỏi các Đại lý ký gửi phải đảm bảo nhận hàng, giao tiền đúng thời gian quy định và bán theo giá mà doanh nghiệp đã định.

***Phương thức trả chậm, trả góp**

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, sau khi giao hàng cho người mua thì số hàng đó đã được coi là tiêu thụ và doanh nghiệp không còn quyền sở hữu số hàng hóa đó. Người mua thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua, số tiền

thanh toán lần đầu này thấp hơn tổng số tiền mà người mua phải trả cho người bán. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần trong các kỳ tiếp theo sau đó và chịu một tỉ lệ lãi nhất định.

***Phương thức tiêu thụ nội bộ**

Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa giữa đơn vị chính với các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, tổng công ty. Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm khoán sản phẩm, hàng hóa, xuất biểu tặng, xuất trả lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên trong công ty, xuất dùng cho hoạt động sản xuất.

***Phương thức hàng đổi hàng**

Theo hình thức này, doanh nghiệp giao hàng cho khách hàng và đổi lại, khách hàng giao cho doanh nghiệp hàng hóa khác với giá trị tương đương. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hóa tương ứng trên thị trường

1.1.1.3 Các phương thức thanh toán

Thanh toán là khâu cuối cùng của quá trình bán hàng. Dưới đây là một số phương thức thanh toán chủ yếu:

- Thanh toán bằng tiền mặt: là phương thức thanh toán trực tiếp người mua trả tiền cho người bán khi đã nhận được sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã hoàn thành.
- Thanh toán bằng ủy nhiệm chi: Là phương thức mà bên mua nhờ ngân hàng phục vụ mình viết ủy nhiệm chi chuyển một số tiền nhất định cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ.
- Thanh toán bằng séc: Séc là chứng chỉ thanh toán do chủ tài khoản lập trên mẫu in sẵn, yêu cầu ngân hàng trích tiền gửi trong tài khoản của mình trả tiền cho người có tên trong tờ séc.
- Thanh toán bằng hàng hóa, vật tư: Trên nguyên tắc ngang giá, bên mua sẽ trả cho bên bán bằng một khối lượng hàng hóa tương đương với số tiền phải trả cho người bán.

Trong thời kỳ hiện nay, đa số các doanh nghiệp dùng phương thức thanh toán là chuyển khoản qua ngân hàng. Đó là phương thức thanh toán tối ưu vừa nhanh gọn, vừa đảm bảo.

1.1.1.4 Xác định kết quả kinh doanh

Xác định kết quả kinh doanh là việc so sánh giữa chi phí kinh doanh đã bỏ ra với thu nhập kinh doanh đã thu về trong kỳ, thường được tiến hành vào cuối kỳ hạch toán (thường là cuối tháng, quý, năm). Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả bán hàng, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

a, Kết quả bán hàng

Kết quả bán hàng là khoản chênh lệch khi lấy doanh thu thuần từ bán hàng trừ đi chi phí hoạt động kinh doanh bao gồm: chi phí giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

$$\begin{matrix} \text{Kết quả} & & \text{Doanh thu thuần} & & \text{Giá vốn} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí quản lý} \\ \text{bán hàng} & = & \text{về bán hàng} & - & \text{hàng bán} & - & \text{bán hàng} & - & \text{doanh nghiệp} \end{matrix}$$

Doanh thu thuần về bán hàng = doanh thu trên hóa đơn - các khoản giảm trừ

b, Kết quả hoạt động tài chính

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả hoạt động tài chính = doanh thu hoạt động tài chính – chi phí tài chính

c, Kết quả hoạt động khác

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả hoạt động khác = thu nhập khác – chi phí khác

1.1.2 Nguyên tắc kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1 Nguyên tắc kế toán bán hàng

- Hạch toán doanh thu hàng hoá phải tôn trọng nguyên tắc doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế phát sinh và phù hợp với niên độ kế toán.

- Chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng, doanh thu bán hàng nội bộ các khoản doanh thu bán hàng của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ hạch toán. Không hạch toán vào các tài khoản này những khoản doanh thu chưa chắc chắn có khả năng được thực hiện.

- Doanh thu bán hàng (kể cả doanh thu bán hàng nội bộ) phải được theo dõi chi tiết cho từng loại hình kinh doanh. Trong từng loại doanh thu lại được chi tiết theo từng loại sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ.

- Trong trường hợp bán hàng thông thường thì mức giá để ghi doanh thu là giá bán được ghi trên hoá đơn:

+ Đối với doanh nghiệp chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thì mức giá để ghi nhận doanh thu là giá bán chưa thuế.

+ Đối với doanh nghiệp không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng hoặc chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp thì mức giá ghi nhận doanh thu là tổng giá thanh toán.

+ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất nhập khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì mức giá để ghi nhận doanh thu là giá bán thu tiền một lần. Phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu được và giá bán thu tiền một lần được tính vào thu nhập tài chính (phần này không phải chịu thuế giá trị gia tăng).

- Trường hợp doanh nghiệp bán hàng qua các đại lý theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hoa hồng doanh thu tính theo giá bán mà doanh nghiệp quy định cho các đại lý (không được trừ vào tiền hoa hồng).

- Đối với cơ sở đại lý nhận bán hộ và bán theo giá quy định thì doanh thu được tính bằng tiền hoa hồng được hưởng (không phải chịu thuế GTGT).

- Đối với trường hợp hàng đổi hàng thì mức giá để ghi nhận doanh thu được tính theo giá thông thường của sản phẩm xuất đổi.

- Những sản phẩm hàng hóa được xác định là tiêu thụ, nhưng vì lý do về chất lượng, quy cách kỹ thuật... người mua từ chối thanh toán gửi trả lại cho người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp thuận; hoặc người mua hàng với khối lượng lớn được chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng được theo dõi riêng biệt trên các tài khoản 531 “Hàng bán bị trả lại” hoặc tài khoản 532 “Giảm giá hàng bán”, tài khoản 521 “Chiết khấu thương mại”.

- Đối với trường hợp cho thuê có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền thu được chia cho số năm cho thuê.

- *Không hạch toán vào tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” trong các trường hợp sau:*

+ Trị giá hàng hóa, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến.

+ Trị giá thành phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ cung cấp giữa các đơn vị thành viên trong một công ty, tổng công ty hạch toán toàn ngành (sản phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ tiêu thụ nội bộ).

+ Số tiền thu được về nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hóa được gửi bán, dịch vụ hoàn thành và cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được người mua chấp nhận thanh toán.

+ Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán đại lý, ký gửi (chưa được xác định là tiêu thụ).

+ Các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- *Hạch toán vào TK 3387 “Doanh thu chưa thực hiện” cần thực hiện những quy định sau:*

+ Khi bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh thu được ghi nhận theo giá bán trả ngay tại thời điểm ghi nhận.

+ Giá bán trả ngay được ghi nhận bằng việc quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản sẽ thu được trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỉ lệ lãi suất hiện hành. Phần lãi bán hàng trả chậm, trả góp là khác nhau giữa giá bán trả chậm, trả góp và giá bán trả ngay được ghi nhận vào tài khoản 3387 “Doanh thu chưa thực hiện”.

+ Khi nhận trước tiền cho thuê tài sản của nhiều năm, thì số tiền nhận trước được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Trong các năm tài chính tiếp sau sẽ ghi nhận doanh thu phù hợp với doanh thu của từng năm.

1.1.2.2 Nguyên tắc xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được tính như sau:

Tổng lợi nhuận trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh – Lợi nhuận khác

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	=	Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp
--	---	--	---	-------------------------------------	---	----------------------------	---	---------------------------	---	---------------------------------------

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

1.1.3 Nhiệm vụ kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh

- Ghi chép đầy đủ, kịp thời khối lượng thành phẩm, hàng hóa dịch vụ bán ra và tiêu thụ nội bộ, xác định trị giá vốn của hàng nhập kho, xuất kho, hàng hóa đã tiêu thụ, các khoản giảm trừ và chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và các chi phí khác nhằm xác định đúng đắn kết quả kinh doanh.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch tiêu thụ, xác định chính xác doanh thu bán hàng, thu đúng thu đủ, kịp thời tiền hàng, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảm lợi nhuận và phân phối lợi nhuận, đôn đốc kiểm tra quá trình thanh toán và việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà Nước.

- Cung cấp thông tin cần thiết một cách chính xác, trung thực, đầy đủ về tình hình tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh cho các bộ phận có liên quan.

- Lập và gửi báo cáo tài chính theo đúng chế độ tài chính, định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với hoạt động bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp

1.2.1 Kế toán bán hàng

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (Mẫu 01- GTKT - 3LL), hợp đồng kinh tế.
- Bảng kê bán hàng
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 - VT), phiếu nhập kho (Mẫu 01 - VT)
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, lệnh chuyển tiền, séc chuyển khoản...

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

Một số tài khoản được sử dụng trong phân hành kế toán này bao gồm:

❖ Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có). Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ. Tài khoản này gồm 6 tài khoản cấp 2:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ giá, trợ cấp

TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

TK 5118: Doanh thu khác

❖ Tài khoản 512- Doanh thu tiêu thụ nội bộ:

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, lao vụ tiêu thụ trong nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty... hạch toán toàn ngành. Tài khoản này gồm 3 tài khoản cấp 2:

TK 5121: Doanh thu bán hàng nội bộ

TK 5122: Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 511, TK 512:

Bên Nợ	TK 511, TK 512	Bên Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản chiết khấu thương mại và khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận trên khối lượng hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ. - Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu hoặc thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp và đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ kế toán. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh. 		<ul style="list-style-type: none"> - Tổng doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ; doanh thu tiêu thụ nội bộ phát sinh trong kỳ kế toán.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

TK 511, 512 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại:

Là khoản tiền mà doanh nghiệp phải giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết mua, bán hàng.

❖ Tài khoản 531 - Hàng bán bị trả lại:

Là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã cam kết xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách, chủng loại.

❖ Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán:

Là khoản giảm trừ được Doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn đã ghi trên hợp đồng kinh tế.

- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 521, 531, 532:

Bên Nợ	TK 521, 531, 532	Bên Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho khách hàng phát sinh trong kỳ kế toán. - Doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán. 		<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại vào bên Nợ tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc tài khoản 512 – Doanh thu tiêu thụ nội bộ để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

TK 521, 531, 532 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán:

Tài khoản này phản ánh trị giá vốn hàng hóa, thành phẩm dịch vụ đã bán (được chấp nhận thanh toán hoặc đã thanh toán) và kết chuyển trị giá vốn hàng bán sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh để tính kết quả kinh doanh.

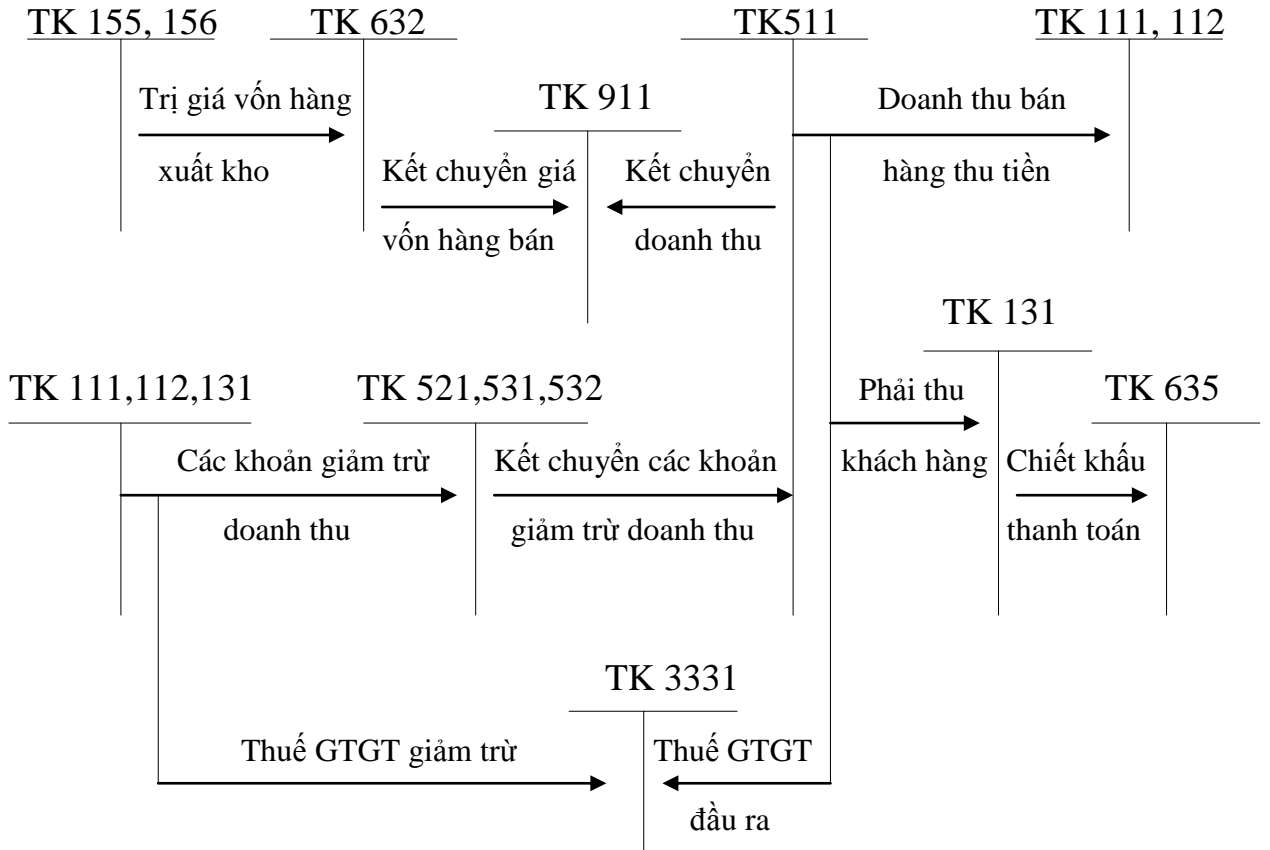
- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 632:

Bên Nợ	TK 632	Bên Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn thực tế của thành phẩm, hàng hóa xuất kho đã xác định bán. - Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ (phương pháp kiểm kê định kỳ). - Trị giá vốn thực tế của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành (phương pháp kiểm kê định kỳ). - Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ phải tính vào giá vốn. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển trị giá vốn thực tế của thành phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ hoàn thành vào bên Nợ TK 911- Xác định kết quả kinh doanh. - Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ tài khoản 155 – Thành phẩm (phương pháp kiểm kê định kỳ).
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

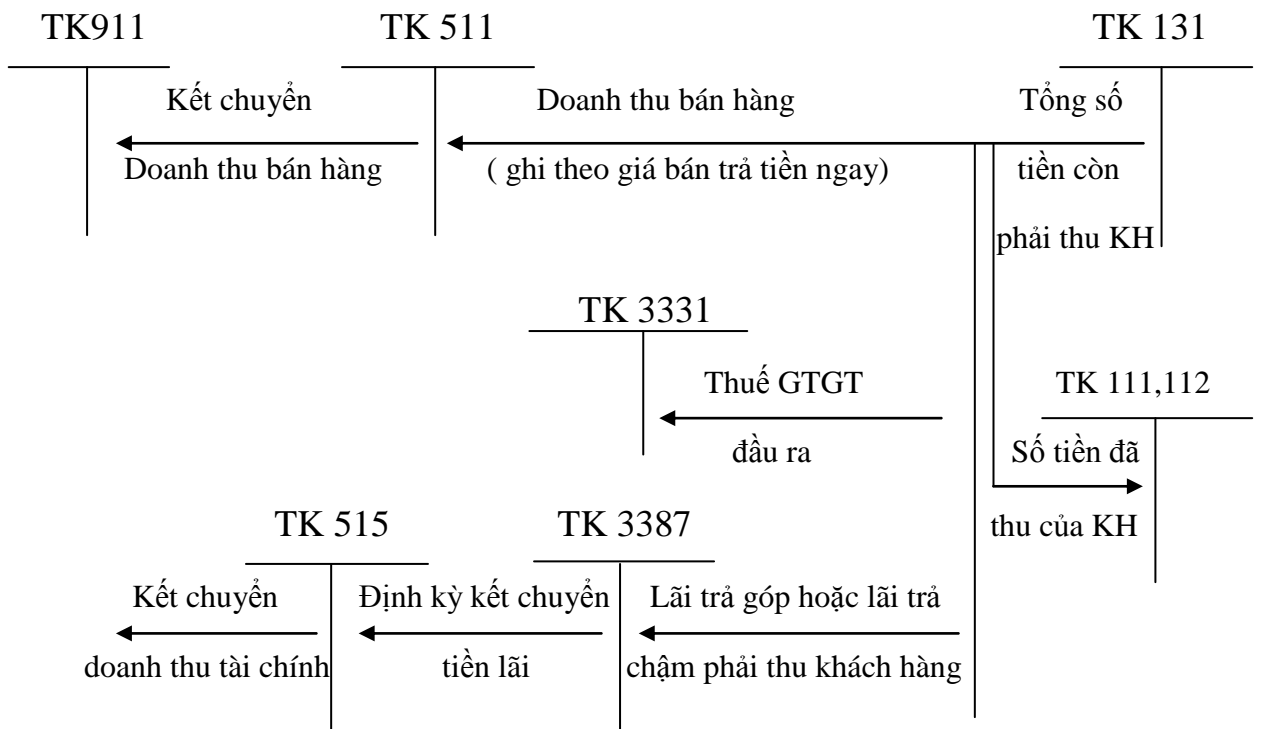
TK 632: không có số dư cuối kỳ

1.2.1.3 Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu

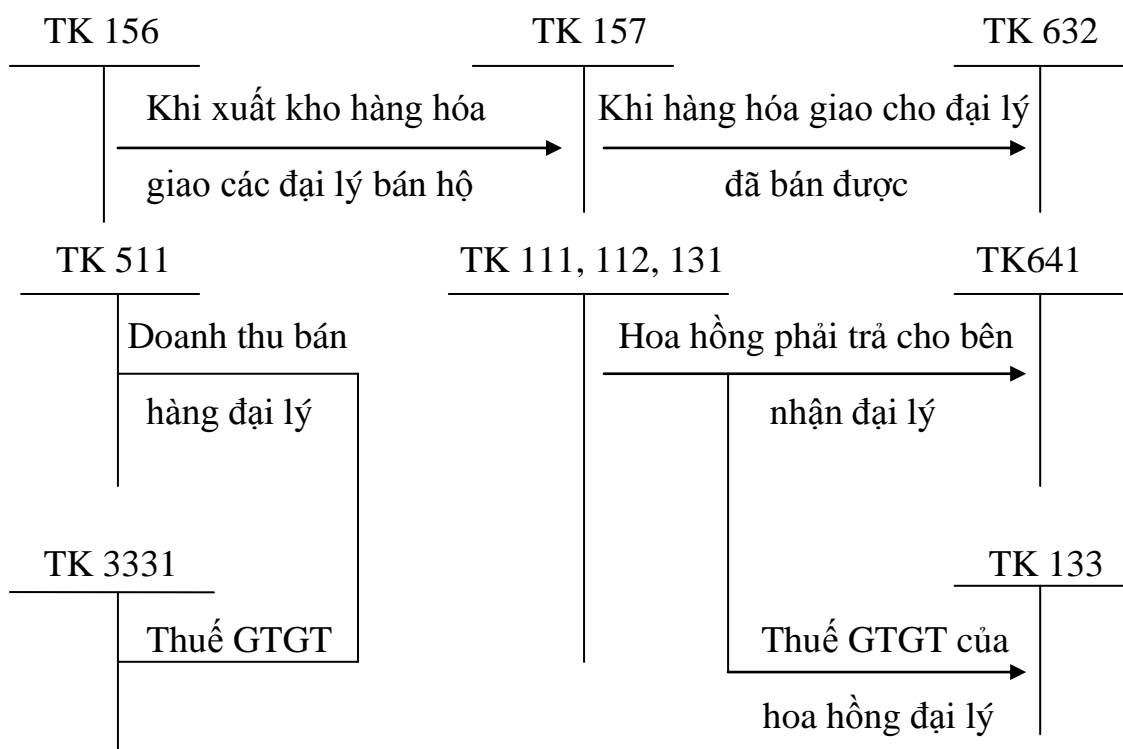
* Hạch toán Doanh thu bán hàng



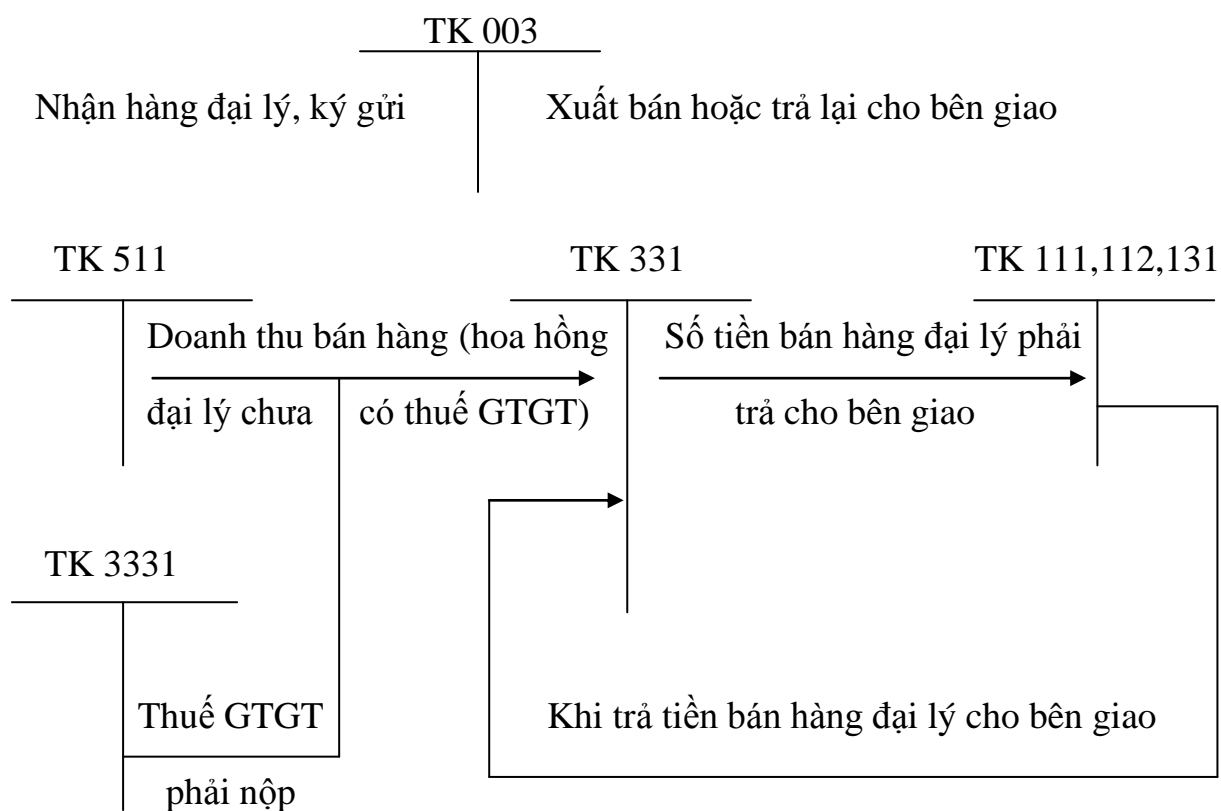
Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương pháp trực tiếp



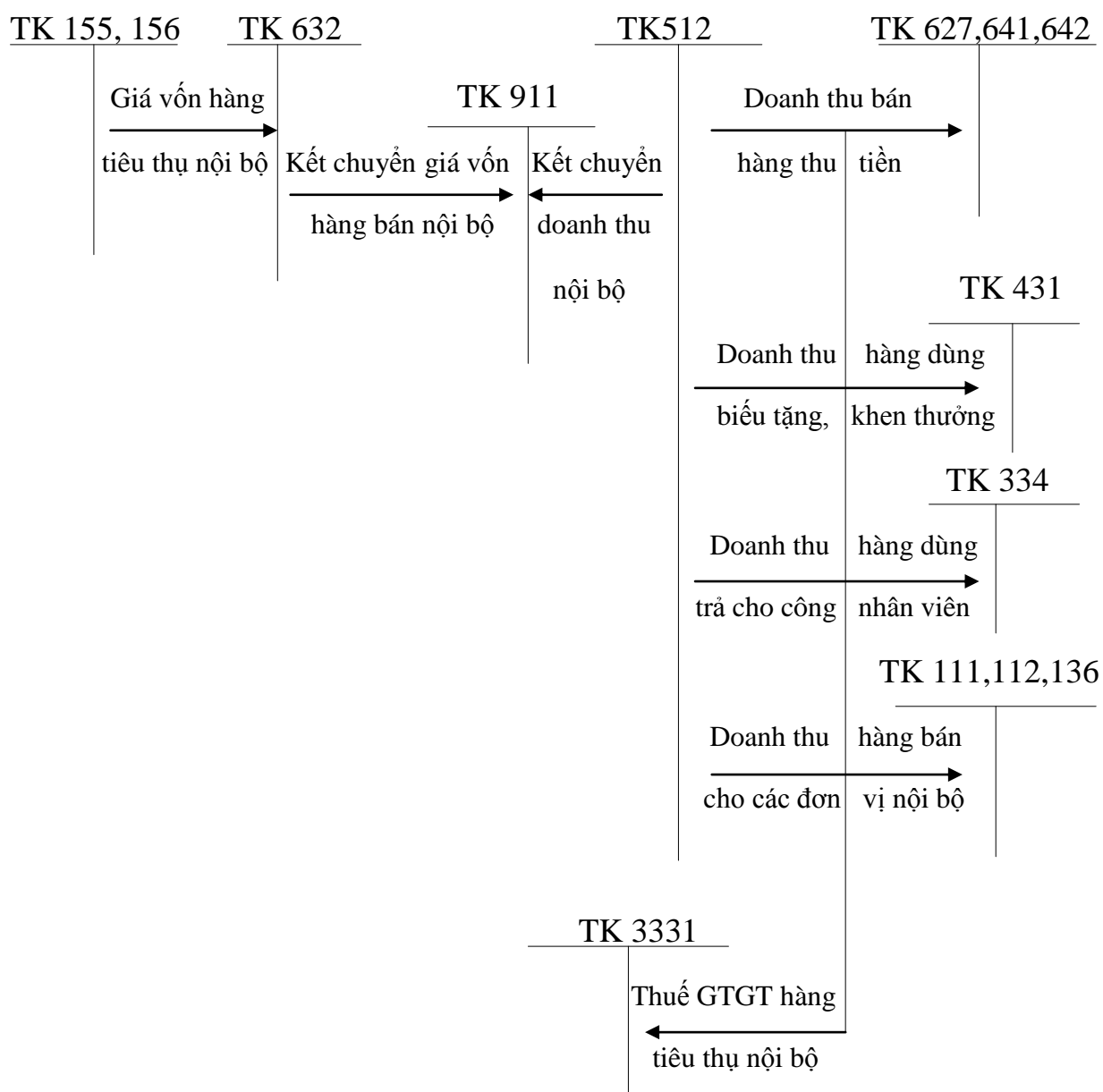
Sơ đồ 1.2: Hạch toán bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp



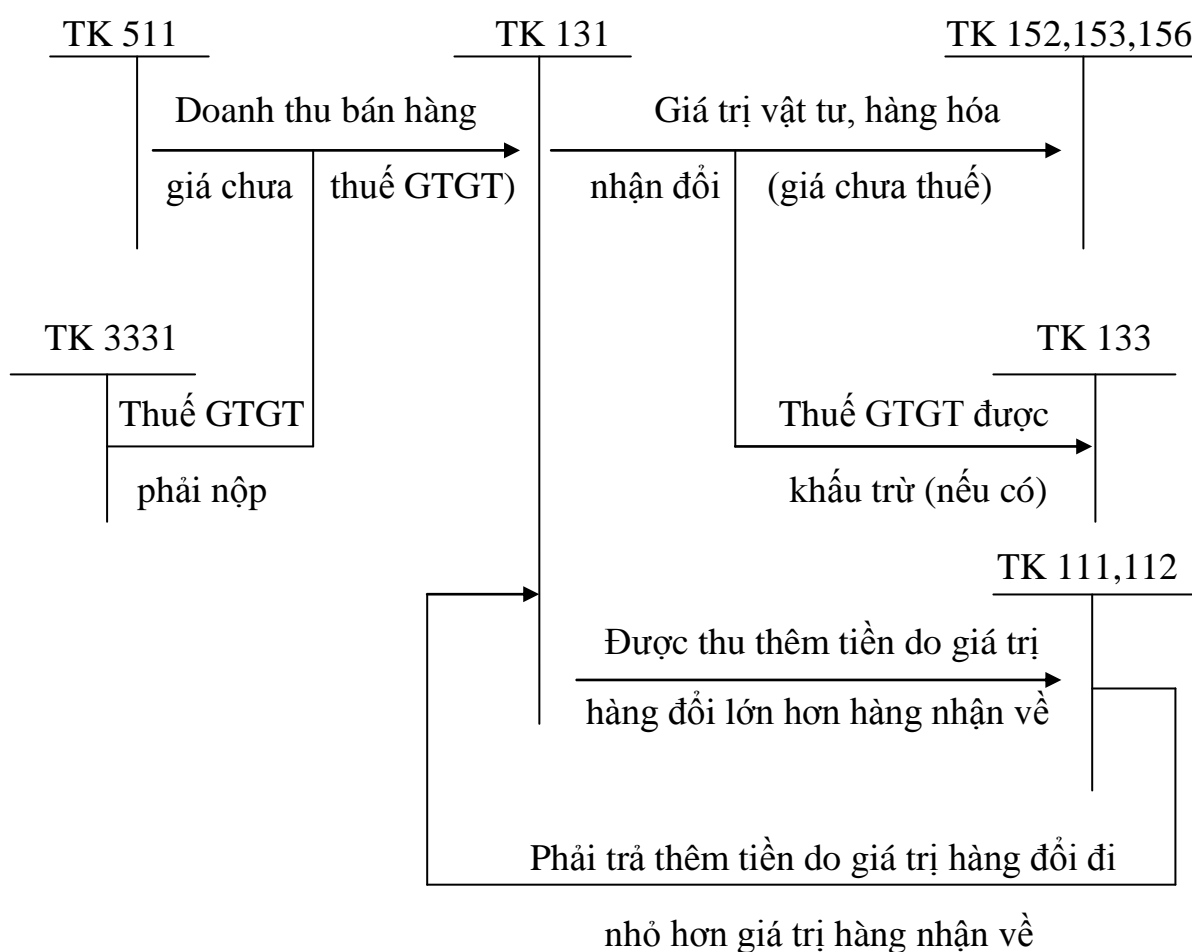
Sơ đồ 1.3: Hạch toán trường hợp doanh nghiệp là đơn vị giao đại lý



Sơ đồ 1.4: Hạch toán trường hợp doanh nghiệp nhận bán hàng đại lý



Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu tiêu thụ nội bộ



Sơ đồ 1.6: Hạch toán nghiệp vụ hàng đổi hàng

***Hạch toán các khoản giảm trừ Doanh thu bán hàng**

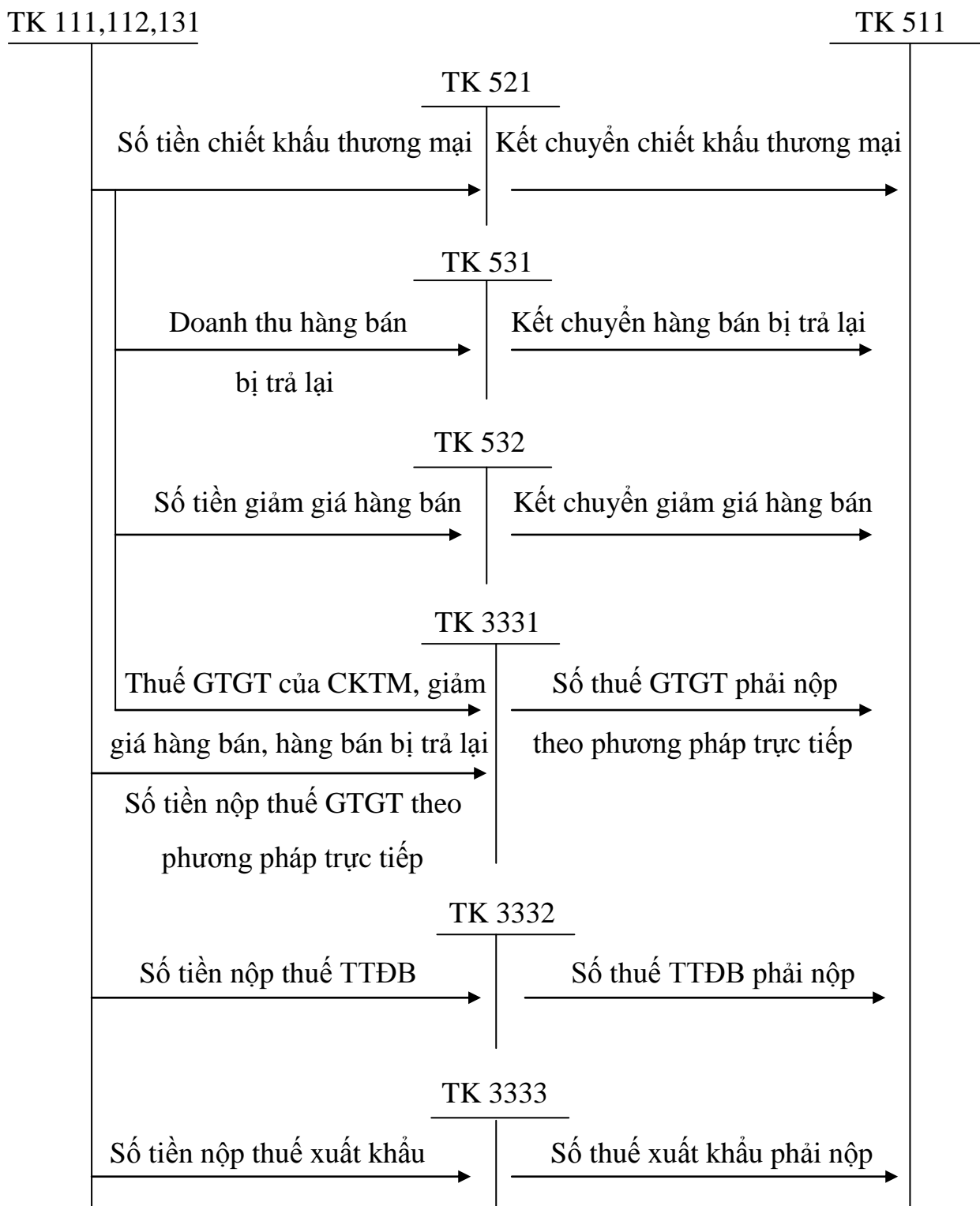
Trong quá trình kinh doanh, Doanh nghiệp bị giảm doanh thu bán hàng do thực hiện: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu hoặc thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm cơ sở tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

-Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

-Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) là thuế tiêu dùng đánh vào một số lô hàng hóa, dịch vụ đặc biệt nằm trong quy định danh mục chịu thuế của Nhà nước.

-Thuế xuất khẩu phải nộp do Hải quan tính trên cơ sở trị giá ban đầu tại cửa khẩu ghi trong hợp đồng của lô hàng xuất (thường là giá FOB) và thuế suất thuế

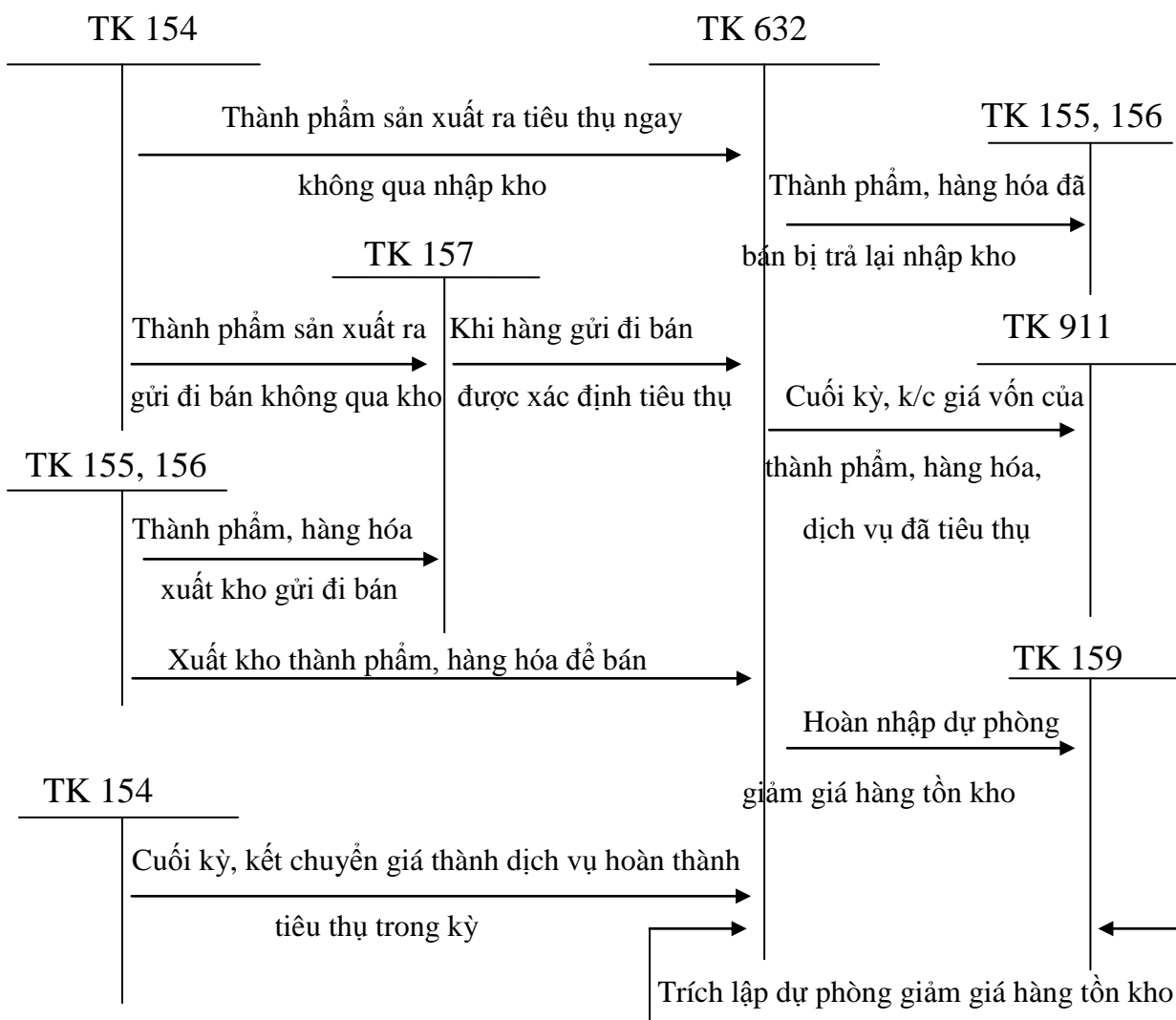
xuất khẩu của mặt hàng xuất và được quy đổi về tiền Việt Nam Đồng theo tỉ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xuất khẩu.



Sơ đồ 1.7: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng

***Hạch toán giá vốn hàng bán**

- Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.8: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

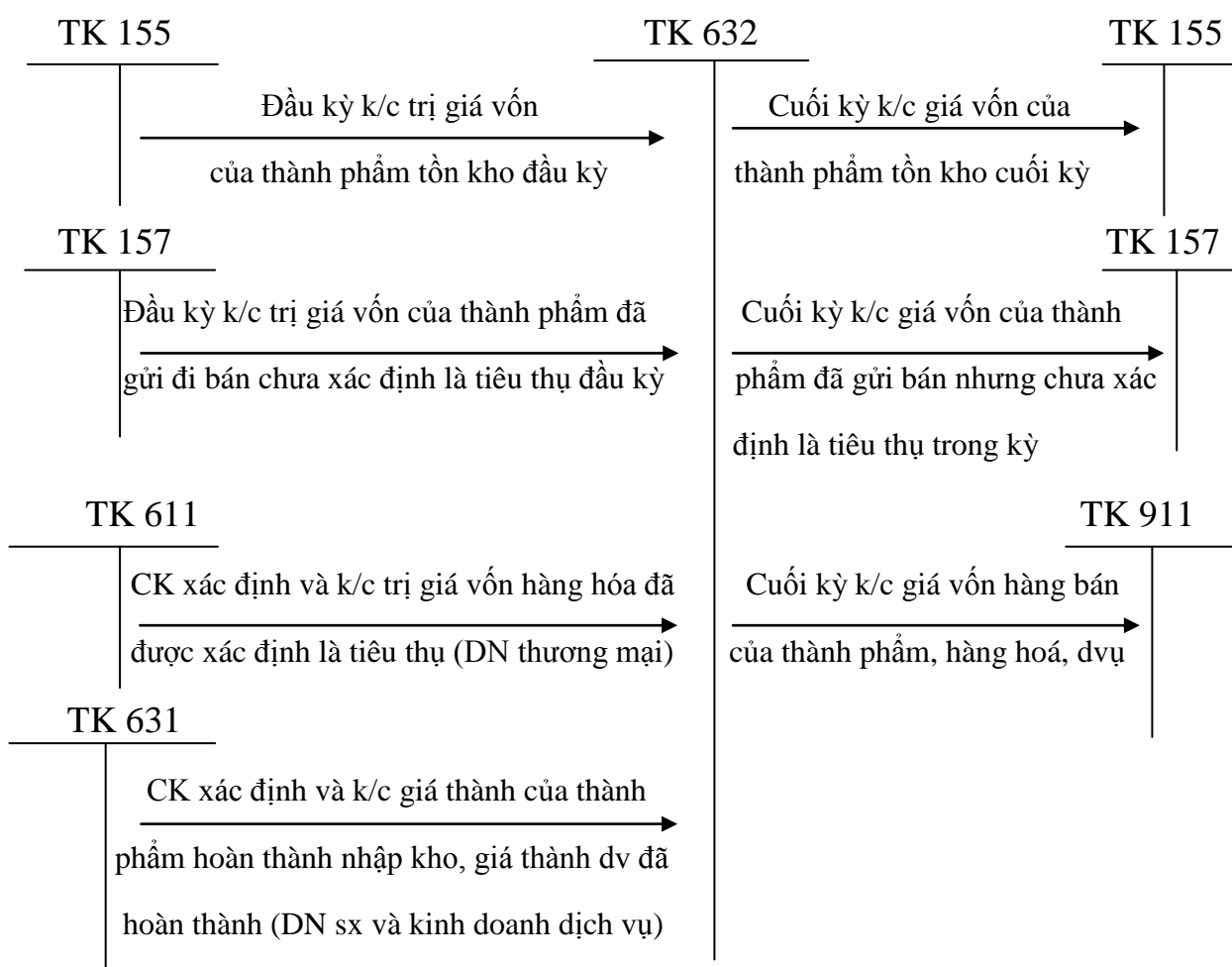
Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho. Các tài khoản này chỉ phản ánh trị giá vốn của hàng hóa tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ. Trị giá vốn thực tế của hàng hóa nhập kho, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên TK 611- Mua hàng.

+ Phương pháp kiểm kê định kỳ phản ánh việc xác định trị giá vốn thực tế của hàng hóa xuất kho không căn cứ vào các chứng từ xuất kho mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ và được tính theo công thức:

$$\text{Số lượng hàng xuất kho} = \text{số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{số lượng hàng nhập trong kỳ} - \text{số lượng hàng tồn cuối kỳ}$$

+ Căn cứ vào đơn giá xuất kho theo phương pháp xác định trị giá vốn hàng xuất kho đã chọn để xác định trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho

$$\begin{matrix} \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} \\ \text{vốn của} & = & \text{vốn thực} & + & \text{vốn} & + & \text{vốn thực} & - & \text{vốn thực} & - & \text{vốn của} \\ \text{hàng bán} & & \text{tế của} & & \text{của hàng} & & \text{tế của} & & \text{của hàng} & & \text{gửi bán} \\ \text{trong kỳ} & & \text{hàng hóa} & & \text{gửi bán} & & \text{hàng hóa} & & \text{hàng tồn} & & \text{chưa xác định} \\ & & \text{tồn kho} & & \text{chưa xác} & & \text{nhập kho} & & \text{kho c/ kỳ} & & \text{là tiêu thụ c/kỳ} \\ & & \text{đầu kỳ} & & \text{định tiêu} & & \text{trong kỳ} & & & & \\ & & & & \text{thụ đầu kỳ} & & & & & & \end{matrix}$$

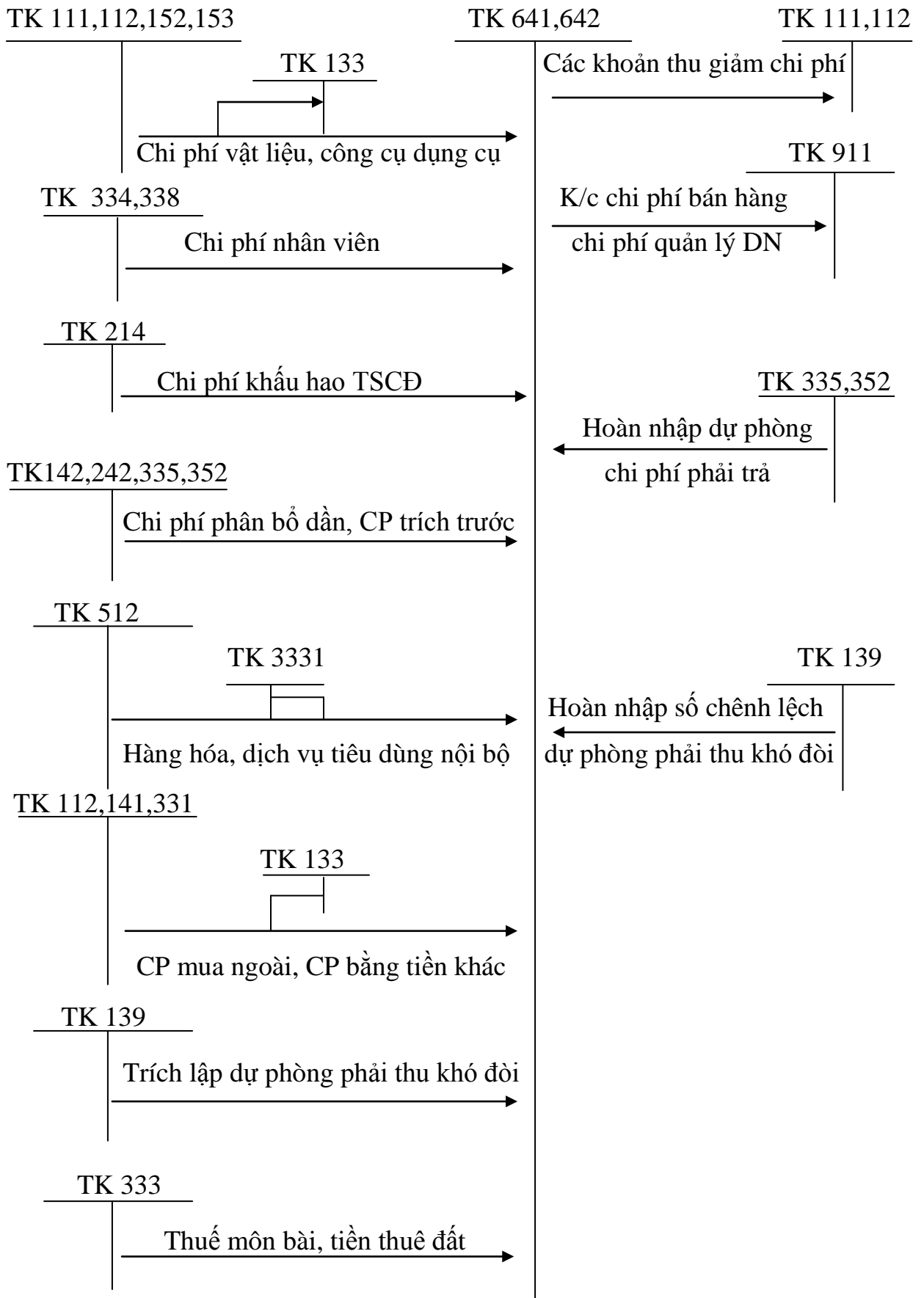


Sơ đồ 1.9: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

***Hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý Doanh nghiệp**

➤ Chi phí bán hàng: là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu bao bì; chi phí dụng cụ, đồ dùng phục vụ bộ phận bán hàng; chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ...; chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá; chi phí mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng, đại lý và các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các khoản kể trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, hàng hoá...

➤ Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định; chi phí các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp, cho việc sửa chữa TSCĐ công cụ dùng chung của doanh nghiệp; chi phí đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp; chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn; thuế, phí, lệ phí: thuế nhà đất, thuế môn bài...và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà; chi phí dự phòng bao gồm các khoản trích dự phòng, phải thu khó đòi; các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như: tiền điện, tiền nước, tiền thuê TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp; và các chi phí bằng tiền khác ngoài các khoản kể trên như: chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi phí khác...



Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

Để xác định kết quả kinh doanh, các chứng từ được sử dụng bao gồm các chứng từ liên quan đến việc xác định kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp như:

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác liên quan

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

Một số tài khoản được sử dụng trong phần hành kế toán này bao gồm:

❖ Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ hạch toán. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 911:

Bên Nợ	TK 911	Bên Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ. - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN, chi phí khác. - Kết chuyển lãi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

TK 911: không có số dư cuối kỳ

❖ **Tài khoản 421- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

TK này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận, xử lý lỗ của doanh nghiệp. Tài khoản này có 2 TK cấp 2:

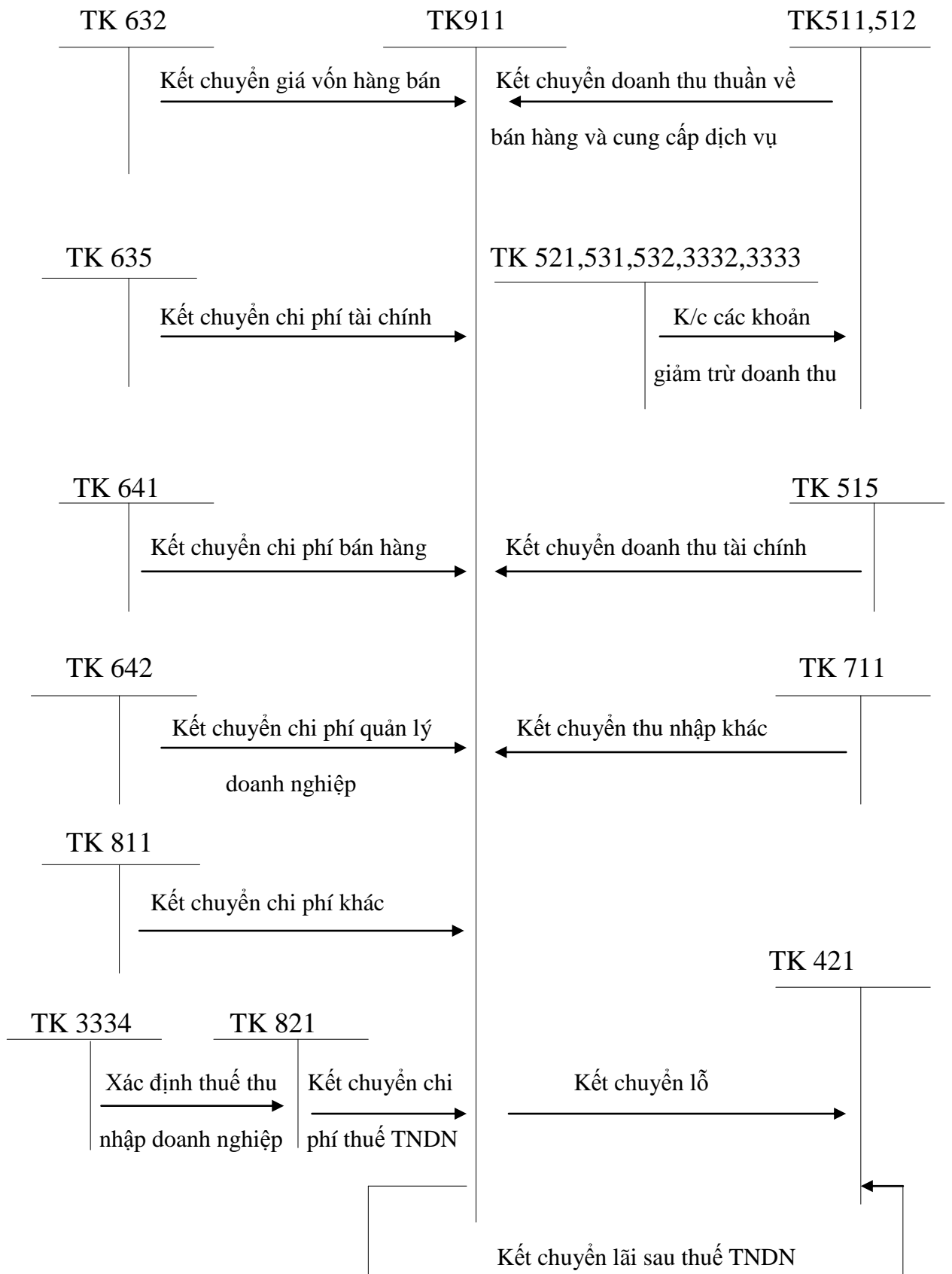
TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.

TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 421:

Bên Nợ	TK 421	Bên Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. - Trích lập các quỹ của doanh nghiệp, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, cho các bên tham gia liên quan. - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh, nộp lợi nhuận lên cấp trên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ. - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ cấp dưới được cấp trên bù đắp, xử lý các khoản lỗ về kinh doanh. 	
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có
Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa được xử lý.		Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa được sử dụng.

1.2.2.3 Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.3 Vận dụng hệ thống sổ sách trong tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Sổ kế toán dùng để ghi chép, hệ thống và lưu trữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh theo nội dung kinh tế và theo trình tự thời gian có liên quan đến doanh nghiệp.

Các loại sổ kế toán về bán hàng và xác định kết quả kinh doanh bao gồm:

- Hệ thống sổ kế toán chi tiết:

Đề phục vụ yêu cầu về quản lý chi tiết bán hàng và xác định kết quả kinh doanh, kế toán mở sổ chi tiết cho các TK 511, 512, 521, 531, 532, 632, 911...

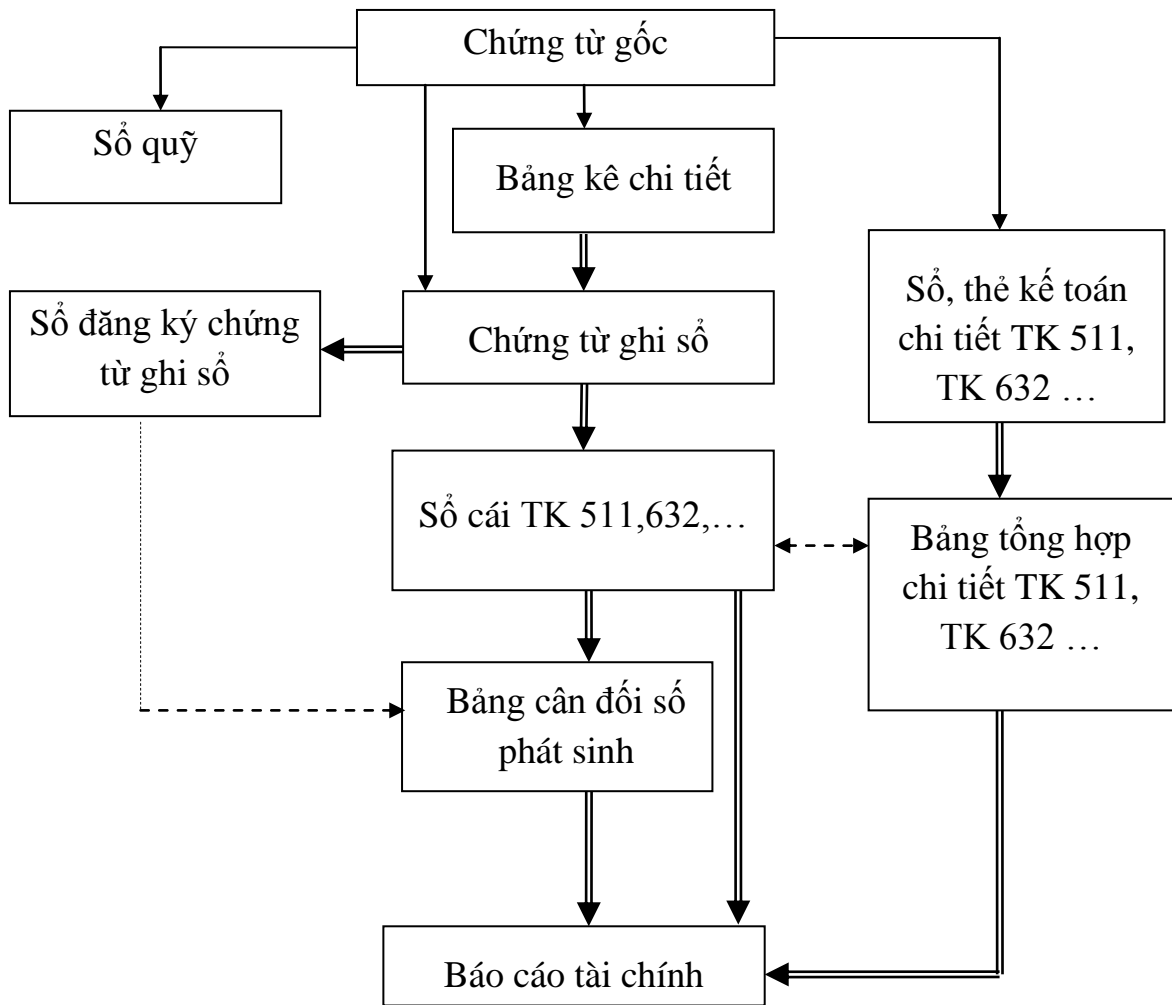
- Hệ thống sổ kế toán tổng hợp: tùy theo từng hình thức kế toán doanh nghiệp áp dụng mà hệ thống sổ kế toán tổng hợp sẽ khác nhau.

Đối với các Doanh nghiệp áp dụng theo hình thức Chứng từ ghi sổ thì hệ thống sổ kế toán bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- ✓ Chứng từ ghi sổ
- ✓ Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- ✓ Sổ cái.
- ✓ Bảng tổng hợp chi tiết.
- ✓ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Hiện nay, hình thức kế toán mà Công ty Cổ Phần Việt Xô áp dụng là hình thức **Chứng từ ghi sổ**. Vì vậy, trong phạm vi khóa luận tốt nghiệp của mình, em xin trình bày hệ thống sổ sách kế toán sử dụng trong công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Chứng từ ghi sổ để dễ đối chiếu, kiểm tra.

Theo hình thức này, hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán lập bảng kê chi tiết cho từng tháng. Từ Bảng kê chi tiết, kế toán lập Chứng từ ghi sổ và vào các sổ chi tiết có liên quan. Từ Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ cái. Cuối kỳ căn cứ vào Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ với Bảng cân đối tài khoản, số liệu ghi trên Bảng cân đối tài khoản với Bảng tổng hợp chi tiết sẽ được dùng để lập Báo cáo tài chính.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ⇄ Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ luân chuyển chứng từ kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Chứng từ ghi sổ

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

2.1 Khái quát chung về Công ty Cổ Phần Việt Xô

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ Phần Việt Xô

Tên công ty: Công ty Cổ phần Việt Xô.

Tên giao dịch: Vietxo Joint Stock Company

Tên viết tắt: Vietxoco

Mã số thuế: 0200509796

Số điện thoại: 031 3842 246 ; 031 3841 073

Fax: 031 3842 246

Email: Vietxoco@hn.vnn.vn

Số tài khoản: 0031001066118 tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam chi nhánh Số 11 Hoàng Diệu – Hải Phòng.

Trực thuộc: Công ty Xuất Nhập Khẩu Rau quả I – Hà Nội

Trụ sở: Số I Bến Bính – Phường Minh Khai, Hồng Bàng , Hải Phòng.

Nhà máy lạnh hữu nghị Việt Xô thuộc công ty XNK Rau quả I – Hà Nội được xây dựng và đi vào sản xuất từ năm 1975. Nhiệm vụ chủ yếu là làm kho đông lạnh thực phẩm và làm mát rau quả phục vụ xuất khẩu của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Công ty Cổ phần Việt Xô là một doanh nghiệp được hình thành từ việc cổ phần hóa Nhà máy lạnh hữu nghị Việt Xô thuộc công ty XNK Rau quả I – Hà Nội theo Quyết định số 3813/QĐ/BNN - TCCB của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ngày 01/01/2003.

Qua nhiều năm hoạt động, công ty Cổ phần Việt Xô đang dần khẳng định hướng đi riêng của mình. Từ khi hình thành cho đến nay, Công ty Cổ phần Việt Xô không ngừng lớn mạnh và trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt

Nam với những thành tích vượt trội. Để có được sự thành công đó, ngoài sự nỗ lực của ban lãnh đạo công ty, tập thể cán bộ công nhân viên công ty còn có sự giúp đỡ tích cực của ban ngành địa phương thành phố Hải Phòng.

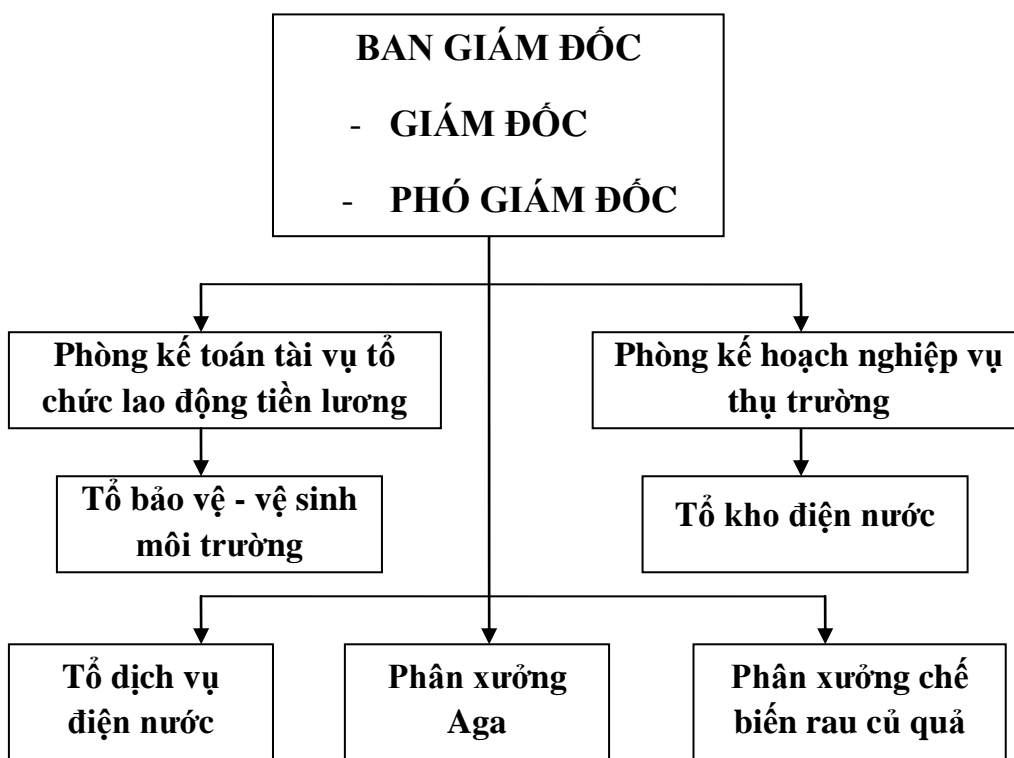
2.1.2 Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Việt Xô

Hiện nay công ty sản xuất và kinh doanh các mặt hàng sau:

- Chế biến lương thực thực phẩm, nông sản, súc sản, lâm sản.
- Sản xuất nước uống có cồn và không có cồn.
- Kinh doanh kho lạnh, kho mát, kho thường.
- Kinh doanh vận tải.
- Kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà làm việc, nhà hàng, khách sạn, các dịch vụ du lịch, dịch vụ lắp đặt, sửa chữa thiết bị lạnh.

2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Việt Xô

Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Việt Xô được tổ chức theo cơ cấu chức năng gồm ban giám đốc và các phòng ban liên quan.



Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Việt Xô

Ban giám đốc

Quản lý toàn bộ mọi hoạt động của công ty, soạn thảo công bố chính sách, chiến lược, chịu trách nhiệm cao nhất đối với chất lượng sản phẩm, phân công trách nhiệm quyền hạn cho các cán bộ lãnh đạo từ cấp trưởng phòng trở lên, sắp xếp, bố trí cán bộ, tổ chức sản xuất theo yêu cầu của hệ thống chất lượng, tổ chức chỉ đạo, phê duyệt các báo cáo, hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

Phòng kế toán tài vụ và tổ chức lao động tiền lương

- Tập hợp các chứng từ phát sinh để vào sổ kế toán kịp thời, chính xác đúng quy định hiện hành. Từ đó tham mưu cho Giám đốc trong hoạt động kinh doanh của công ty, đảm bảo đúng chế độ quy định hiện hành.

- Quản lý công tác tài chính, theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty dưới hình thức tiền tệ, mua sắm vật tư, thiết bị, tập hợp các chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ sản phẩm, xác định kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, báo cáo quyết toán tài chính quý, năm trình giám đốc phê duyệt và báo cáo các cơ quan chức năng có liên quan.

- Thực hiện chi trả lương và các chính sách khác đến tay người lao động.

Phòng kế hoạch nghiệp vụ thị trường

- Có nhiệm vụ tìm kiếm thị trường tiêu thụ, tìm kiếm khách hàng, xây dựng các hồ sơ dự thầu, đấu thầu, lập kế hoạch tiêu thụ sản phẩm và các kế hoạch khác.

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, ký kết các hợp đồng kinh tế, tổ chức theo dõi quá trình thi công trên các công trình.

- Quản lý hệ thống kho hàng vật tư hàng hóa và sản phẩm của công ty, quản lý thiết bị sản xuất cũng như mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Kinh doanh và phát triển thị trường, đề ra tiêu chuẩn và chất lượng sản phẩm, vệ sinh công nghiệp và phòng cháy chữa cháy.

- Xây dựng cơ bản.

Tổ dịch vụ điện nước

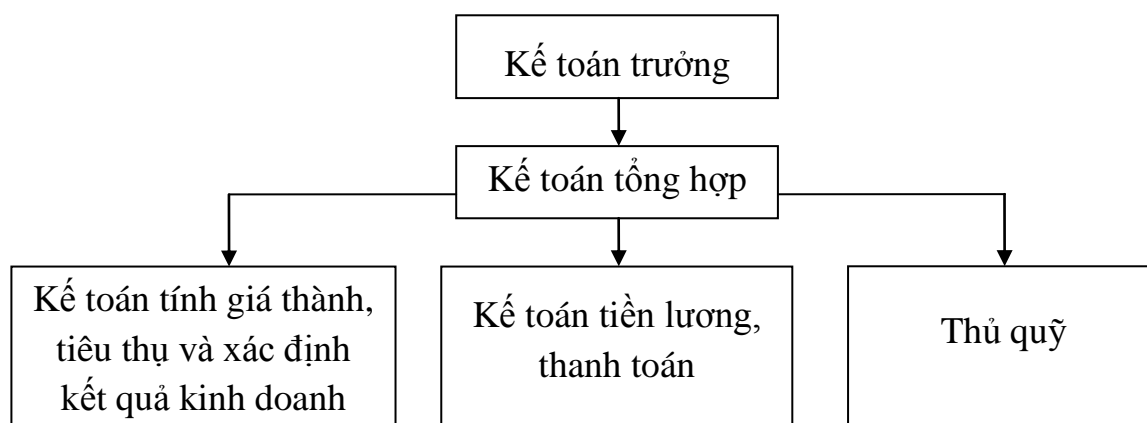
- Xây dựng kế hoạch, chủ động tìm việc dịch vụ lắp đặt, sửa chữa cơ điện lạnh ngoài công ty và hỗ trợ cơ điện lạnh của công ty.

Phân xưởng Aga & Phân xưởng chế biến rau củ quả

- Lập kế hoạch sản xuất quý, năm của công ty.
- Sản xuất hàng hóa tiêu thụ.
- Hợp tác cùng các phòng quản lý chủ động nhân lực, vật tư, nguyên liệu, vật liệu, thị trường, đảm bảo an toàn và chất lượng sản phẩm.

2.1.4 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Việt Xô

Xuất phát từ đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, quy mô và địa bàn hoạt động, bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung. Toàn bộ công tác kế toán được tiến hành tập trung tại văn phòng kế toán. Chứng từ sau khi được các phòng thu thập, kiểm tra, xử lý và gửi về, phòng kế toán sẽ tổng hợp thực hiện việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo kế toán của đơn vị.



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Việt Xô

Kế toán trưởng (Trưởng phòng tài chính kế toán)

Là người điều hành bộ máy kế toán của công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về kế toán tài chính của đơn vị, có nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra công tác kế toán của từng nhân viên, duyệt các chứng từ mua bán, chứng từ thu chi phát sinh, chỉ đạo tất cả các bộ phận kế toán về mặt nghiệp vụ từ việc ghi chép ban đầu đến việc sử dụng sổ sách kế toán do bộ tài chính ban hành và quy định, phân công công tác trong bộ máy kế toán. Lập báo cáo quyết toán, trực tiếp thông báo, cung cấp thông tin tư vấn cho Giám đốc công ty về vấn đề tài chính, kế toán của công ty.

Kế toán tiền lương và thanh toán

Căn cứ vào bảng chấm công của các phòng và căn cứ vào định mức hệ số lương của các cán bộ công nhân viên để tính toán tiền lương, thanh toán các khoản lương phụ cấp cho cán bộ công nhân viên, trích trả các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn cho công nhân theo chế độ.

Kế toán tính giá thành, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh

Phản ánh tình hình nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu, tập hợp các chi phí phát sinh trong kỳ, tính toán phân bổ các chi phí hợp lý phục vụ tính giá thành sản phẩm.

Dựa trên thông báo về bán hàng do nhân viên bán hàng gửi lên, kế toán tiền hàng vào sổ và theo dõi trên sổ kế toán liên quan đến bán hàng. Phản ánh chính xác kịp thời tình hình tiêu thụ sản phẩm, thực hiện đúng và đầy đủ các nghiệp vụ kế toán về tiêu thụ thành phẩm, lập báo cáo tiêu thụ, báo cáo kết quả kinh doanh.

Kế toán tổng hợp

Tổng hợp các số liệu kế toán trên cơ sở sổ sách do kế toán viên cung cấp và tiến hành lập báo cáo quyết toán.

Thủ quỹ

Căn cứ vào các chứng từ gốc để vào sổ tiền mặt, theo dõi thu chi phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác lượng tiền mặt hiện có ở công ty.

2.1.5 Tổ chức hình thức kế toán tại Công ty Cổ phần Việt Xô

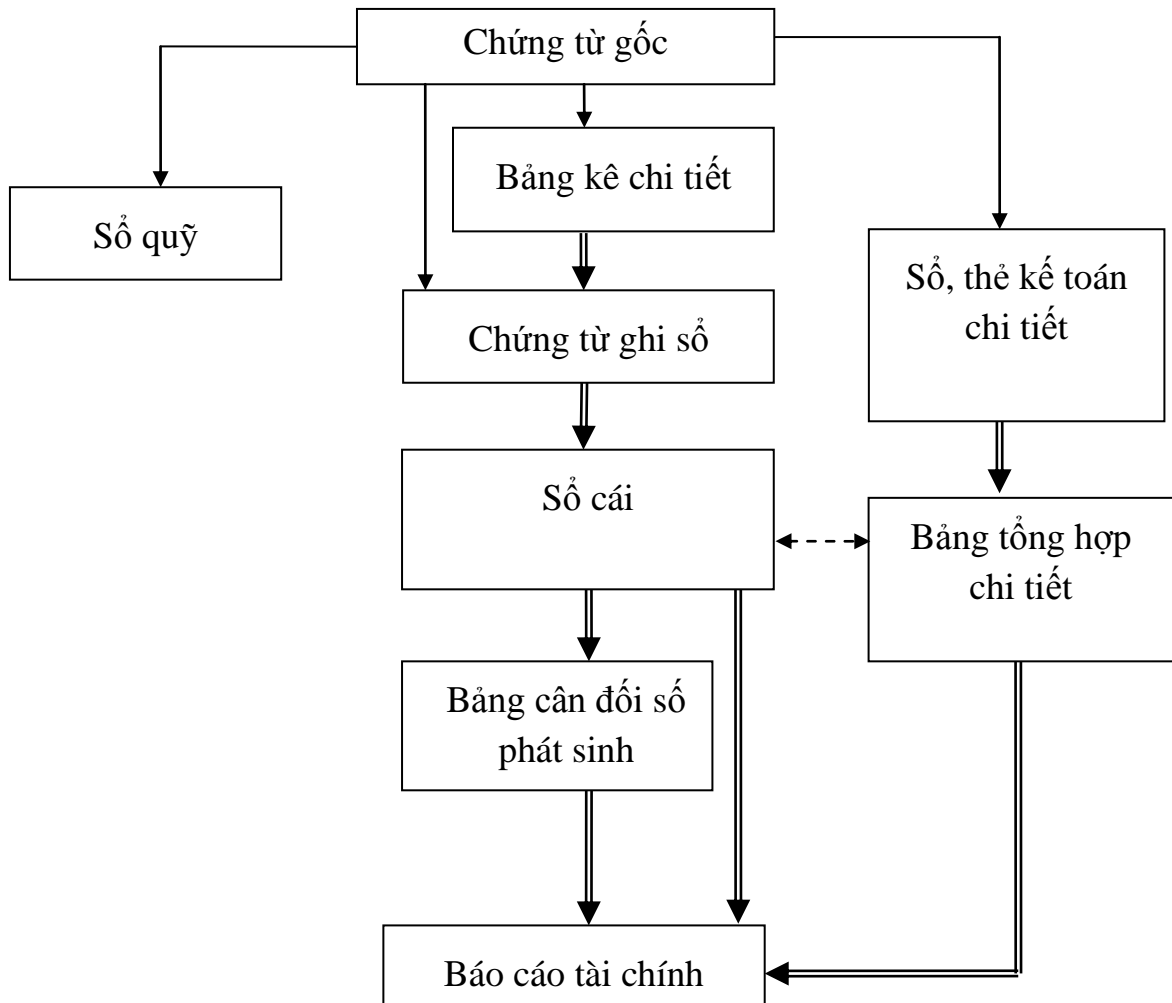
Nhằm phục vụ cho yêu cầu quản lý về công tác tài chính kế toán của công ty, kế toán sử dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ. Với hình thức này, Công ty sử dụng các loại sổ sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái.
- Bảng tổng hợp chi tiết.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

➤ Niên độ kế toán: Công ty áp dụng kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 Dương lịch hàng năm.

➤ Đơn vị tiền tệ áp dụng trong ghi chép: Đồng Việt Nam.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi đồng tiền: theo tỷ giá hiện hành và điều chỉnh vào cuối kỳ báo cáo.
- Tài sản cố định được ghi sổ theo nguyên giá thực tế và hao mòn lũy kế.
- Khấu hao theo phương pháp tuyến tính, quyết định số 206/2003/QĐ – BTC.
- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: phương pháp khấu trừ.
- Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán theo chuẩn mực kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
- Trình tự ghi sổ kế toán:
 - Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp các chứng từ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ.
 - Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ lập Sổ cái các tài khoản.
 - Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.
 - Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số dư Nợ Và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ⇄ Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3 : Sơ đồ luân chuyển chứng từ theo hình thức Chứng từ ghi sổ tại Công ty Cổ Phần Việt Xô

2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Việt Xô

2.2.1 Kế toán bán hàng

2.2.1.1 Đặc điểm quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty

*** Phương thức bán hàng**

Hiện nay công ty Cổ phần Việt Xô đang sử dụng phương thức tiêu thụ trực tiếp với hai hình thức bán hàng chủ yếu là bán buôn và bán lẻ.

- Bán buôn: là hình thức bán chủ yếu ở Công ty, nó chiếm tỷ trọng lớn trong khối lượng hàng hóa tiêu thụ. Những đối tượng bán buôn thường là các doanh nghiệp, công ty hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực lương thực thực phẩm, chủ yếu là công ty XNK rau quả I (Hà nội); công ty TNHH Phan Trần (Thành phố Hồ Chí Minh); các công ty, doanh nghiệp cá nhân ở Hải Phòng, thị trường ở Quảng Tây, Quảng Châu, Thượng Hải, Côn Minh (Trung Quốc)...

- Bán lẻ: là phương thức giúp Doanh nghiệp tiêu thụ hàng nhanh hơn. Phương thức này chiếm tỉ trọng không lớn trong khối lượng hàng hóa bán ra. Khách hàng chủ yếu là những cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua lẻ bột aga, dưa chuột bao tử dầm dấm... nhằm đáp ứng nhu cầu trực tiếp của họ. Bán lẻ thường với số lượng ít và người mua phải thanh toán ngay toàn bộ giá trị hàng vừa mua.

*** Phương thức thanh toán**

Phương thức thanh toán tiền hàng được ghi rõ trong hóa đơn giá trị gia tăng hoặc đã được thỏa thuận giữa hai bên về mua bán hàng hóa. Công ty thường áp dụng hai phương thức thanh toán chủ yếu là:

- Phương thức thanh toán trực tiếp: thanh toán bằng tiền mặt, ủy nhiệm chi, séc...
- Phương thức thanh toán chậm trả (mua chịu).

*** Phương thức tính giá hàng xuất kho**

Công ty áp dụng phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước. Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo

phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

2.2.1.2 Chứng từ sử dụng

Để ghi nhận thông tin về tiêu thụ hàng hóa, Công ty Cổ phần Việt Xô sử dụng các chứng từ kế toán sau:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...

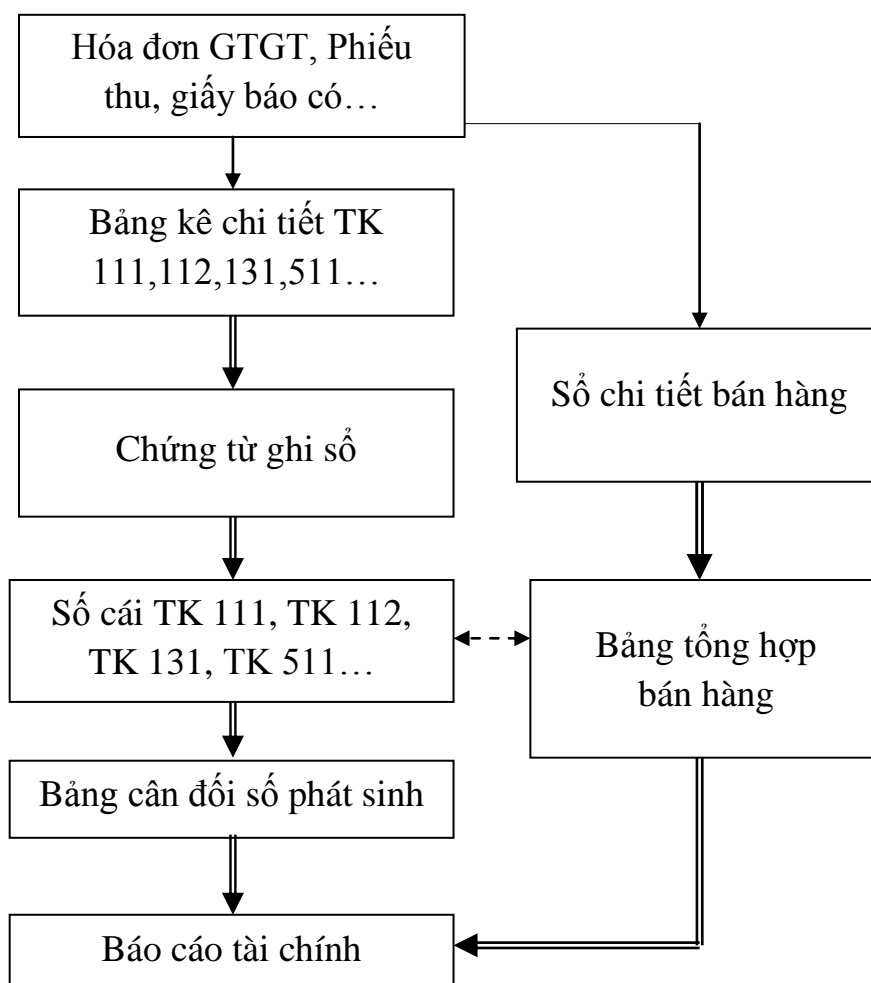
Bộ phận bán hàng viết hóa đơn bán hàng sau đó chuyển cho kế toán trưởng (hoặc thủ trưởng) ký duyệt. Nhân viên bán hàng nhận hóa đơn bán hàng đã ký duyệt đưa người mua ký và giao cho người mua liên 2. Cuối ngày, nhân viên bán hàng chuyển hóa đơn bán hàng cho kế toán tổng hợp ghi sổ chi tiết các tài khoản liên quan và chuyển hóa đơn đến các kế toán liên quan để ghi sổ kế toán liên quan.

2.2.1.3 Tài khoản sử dụng

- TK 155: Thành phẩm
- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 111: Tiền mặt
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 131: Phải thu của khách hàng
- TK 3331: Thuế GTGT đầu ra
- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.1.4 Quy trình hạch toán

***Kế toán doanh thu bán hàng**



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- > Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty CP Việt Xô

Ví dụ 01:

Ngày 09/12/2009, Công ty xuất bán bột aga cho Công ty TNHH Đài Thọ với tổng giá thanh toán là 8 525 000 đ (thuế suất thuế GTGT 10%). Kế toán viết hóa đơn GTGT số 0086859 giao liên 2 cho khách hàng. Liên 3 dùng để hạch toán. Căn cứ vào hóa đơn, kế toán viết phiếu thu và vào sổ sách liên quan.

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL															
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		QP/ 2009B															
Liên 3: (Nội bộ)		0086859															
<i>Ngày 09 tháng 12 năm 2009</i>																	
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Việt Xô																	
Địa chỉ: Số 1 – Bến Bính – Minh Khai - Hồng Bàng - Hải Phòng																	
Số tài khoản:.....																	
Điện thoại:.....	MS:	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">—</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">—</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">—</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">—</td> </tr> </table>		0	2	0	0	5	0	9	7	9	6	—	—	—	—
0	2	0	0	5	0	9	7	9	6	—	—	—	—				
Họ tên người mua hàng: Trần Văn Thọ																	
Tên đơn vị: Công ty TNHH Đài Thọ																	
Địa chỉ: Lam Sơn – Lê Chân - Hải Phòng.....																	
Số tài khoản:.....																	
Hình thức thanh toán: TM	MS:	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">—</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">—</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">—</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">—</td> </tr> </table>		0	2	0	0	4	0	5	8	6	3	—	—	—	—
0	2	0	0	4	0	5	8	6	3	—	—	—	—				
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền												
A	B	C	1	2	3=1x2												
1	Aga bột túi 25g/túi	Kg	50	155.000	7.750.000												
Cộng tiền hàng:.....					7.750.000												
Thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:.....		775.000												
Tổng cộng tiền thanh toán:.....					8.525.000												
Số tiền viết bằng chữ: Tám triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn./.																	
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị													
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)													

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT 0086859

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ**
Địa chỉ: Số 1 Bến Bính, Minh Khai, Hồng Bàng, HP
MST: 0200509796
Sdt: 0313.842.246

Mẫu số: 01- TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Quyển số:03.....

Ngày 09 tháng 12 năm 2009

Số CT: PT 380...

TK Nợ: 1111

TK Có: 511, 3331

Người nộp tiền: Công ty TNHH Đài Thọ

Địa chỉ: Lam Sơn – Lê Chân – Hải Phòng

Lý do nộp: nộp tiền mua bột aga

Số tiền: 8 525 000 đ

Bằng chữ: Tám triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo:01..... chứng từ gốc.

Ngày 09 tháng 12 năm 2009

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 2.2: Phiếu thu số 380

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Địa chỉ: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tháng 12/2009

Loại hàng hóa: Bột aga

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Thuế GTGT đầu ra	Các khoản giảm trừ
Số hiệu	Ngày			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		
86858	05/12	Công ty TNHH Ngọc Bắc	131	1 500	155 000	232 500 000	23 250 000	
86859	09/12	Công ty TNHH Đài Thọ	111	50	155 000	7 750 000	775 000	
86860	10/12	Công ty TNHH Quang Mai	112	100	155 000	15 500 000	1 550 000	
86861	11/12	Công ty TNHH Ngọc Mai	111	50	155 000	7 750 000	775 000	
							
		Cộng tháng 12/2009		8 500		1 317 500 000	131 750 000	

Ngày ... tháng... năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.3: Sổ chi tiết bán hàng

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Địa chỉ: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - Hải Phòng

SỔ TỔNG HỢP BÁN HÀNG

Tháng 12/2009

Stt	Diễn giải	Doanh thu		Thuế GTGT đầu ra	Các khoản giảm trừ
		Số lượng	Thành tiền		
1	Dưa bao tử 380g	3 200	28 800 000	2 880 000	
2	Đỗ hộp 380g	11 750	182 125 000	18 212 500	
3	Bột aga 25g	8 500	1 317 500 000	131 750 000	
4	Hành muối 380g	2 700	17 550 000	1 755 000	
				
	Cộng		3 188 725 592	318 872 559.2	

Ngày ... tháng ... năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.4: Sổ tổng hợp bán hàng

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Địa chỉ: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - Hải Phòng

BẢNG KÊ CHI TIẾT THÁNG 12 NĂM 2009

Ghi Nợ tài khoản 111

Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi Có các tài khoản				
				511	3331	311	131	...
							
09/12	PT380	Bán bột aga cho công ty TNHH Đà Thọ	8 525 000	7 750 000	775 000			
10/12	PT381	Thu tiền của công ty TNHH Ngọc Mai	6 480 000				6 480 000	
12/12	PT382	Ông Thám cho công ty vay vốn	90 000 000			90 000 000		
							
		Cộng	1 957 226 400	1 087 752 854	30 909 090	207 000 000	239 293 700	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu 2.5: Trích bảng kê chi tiết Nợ TK 111

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Mẫu số S02a - DN

Địa chỉ: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - Hải Phòng Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ -BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số :193

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Nội dung	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Doanh thu bán hàng	111	511	1 087 752 854	
Thuế GTGT đầu ra	111	3331	30 909 090	
Khách hàng trả nợ	111	131	239 293 700	
Nhận tiền vay vốn	111	311	207 000 000	
.....				
Cộng			1 957 226 400	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu 2.6: Chứng từ ghi sổ

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Địa chỉ: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai – Hải Phòng

Mẫu số - 02TT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm: 2009

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: đồng

Ngày	Chứng từ GS		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
			<u>Số dư đầu tháng 12/2009</u>				
31/12	193	31/12	Doanh thu bán hàng bằng tiền mặt	111		1 087 752 854	
31/12	195	31/12	Doanh thu bán hàng bằng tiền gửi ngân hàng	112		969 468 200	
31/12	196	31/12	Doanh thu bán hàng phải thu của khách hàng	131		1 055 314 062	
31/12	204	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần	911	3 112 535 116		
			Cộng phát sinh tháng		3 112 535 116	3 112 535 116	
			<u>Số dư cuối tháng 12/2009</u>				

Ngày... tháng... năm 2009

Người lập biểu

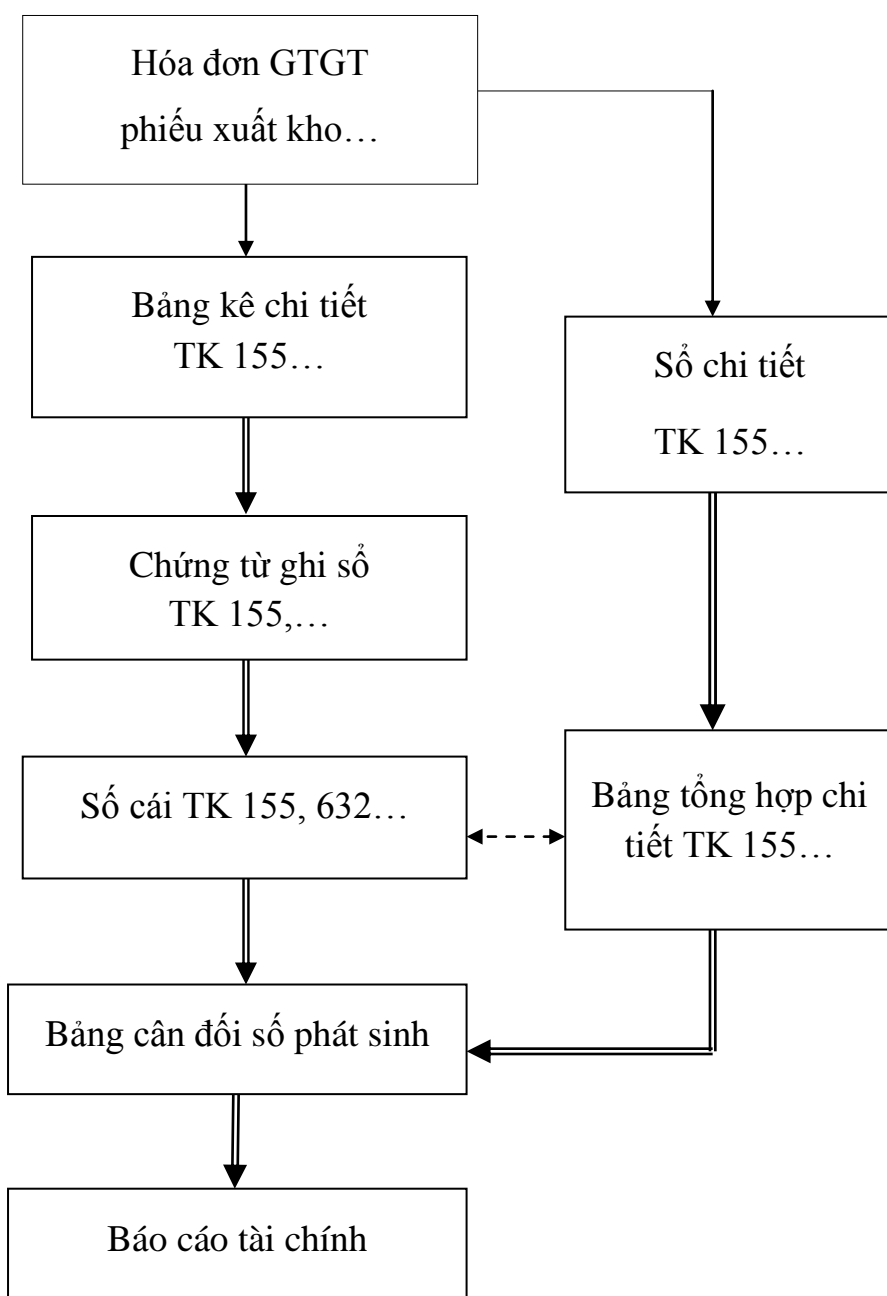
Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.7: Sổ cái TK 511

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

***Kế toán giá vốn hàng bán**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←- - - - -> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP Việt Xô

Ví dụ 02:

Theo hóa đơn GTGT bán hàng ngày 09/12/2009, cùng với việc ghi nhận doanh thu, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán và tiến hành xuất kho thành phẩm.

Giá vốn hàng bán được tính theo phương pháp nhập trước – xuất trước. Theo phương pháp này, sản phẩm hàng hóa vật tư nào nhập trước thì sẽ xuất trước. Xuất hết số sản phẩm hàng hóa vật tư này mới xuất đến số sản phẩm hàng hóa vật tư nhập tiếp theo. Số tồn đầu kỳ là số nhập đầu tiên của tháng.

* Đầu tháng 12/2009:

Tồn số lượng 2 140 kg, đơn giá vốn 145 000 đ/kg

Tổng giá vốn hàng bán là: $2\ 140 \times 145\ 000 = 310\ 300\ 000$ đ.

*Ngày 05/12, xuất bán 1 500 kg cho Công ty TNHH Ngọc Bắc

Tổng giá vốn hàng bán là: $1\ 500 \times 145\ 000 = 217\ 500\ 000$ đ.

Số lượng còn lại: $2\ 140 - 1\ 500 = 640$ kg.

*Ngày 09/12, xuất bán 50 kg cho Công ty TNHH Đài Thọ

Tổng giá vốn hàng bán là: $50 \times 145\ 000 = 7\ 250\ 000$

Số lượng còn lại: $640 - 50 = 590$ kg.

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL														
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		QP/ 2009B														
Liên 3: (Nội bộ)		0086859														
<i>Ngày 09 tháng 12 năm 2009</i>																
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Việt Xô																
Địa chỉ: Số 1 – Bến Bính – Minh Khai - Hồng Bàng - Hải Phòng																
Số tài khoản:.....																
Điện thoại:.....	MS:	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> </tr> </table>	0	2	0	0	5	0	9	7	9	6				
0	2	0	0	5	0	9	7	9	6							
Họ và tên người mua hàng: Trần Văn Thọ																
Tên đơn vị: Công ty TNHH Đài Thọ																
Địa chỉ: Lam Sơn – Lê Chân – Hải Phòng.....																
Số tài khoản:.....																
Hình thức thanh toán: TM	MS:	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">3</td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> </tr> </table>	0	2	0	0	4	0	5	8	6	3				
0	2	0	0	4	0	5	8	6	3							
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền											
A	B	C	1	2	3=1x2											
1	Aga bột túi 25g/túi	Kg	50	155.000	7.750.000											
Cộng tiền hàng:.....					7.750.000											
Thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:.....		775.000											
Tổng cộng tiền thanh toán:.....					8.525.000											
Số tiền viết bằng chữ: Tám triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn./.																
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị												
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)												

Biểu 2.8: Hóa đơn GTGT 0086859

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ**
 Địa chỉ: Số 1 Bến Bính, Minh Khai, Hồng Bàng, HP
 MST: 0200509796
 Sdt: 0313.842.246

Mẫu số: **02- VT**
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Số PX: 385

PHIẾU XUẤT KHO

TK Nợ: 632

Ngày 09 tháng 12 năm 2009

TK Có: 155

Họ tên người mua hàng: Trần Văn Thọ

Tên đơn vị: Công ty TNHH Đài Thọ

Địa chỉ: Lam Sơn – Lê Chân – Hải Phòng

Lý do xuất kho: aga bột

Địa điểm: kho thành phẩm

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã Số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn Giá	Thành Tiền
				Theo chứng từ	Thực Xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Aga bột		kg	50	50	145 000	7 250 000
	Tổng tiền	x	x	x	x	x	7 250 000

Xuất, ngày 09 tháng 12 năm 2009

Phụ trách cung tiêu Người giao hàng Thủ kho Kế toán trưởng

Biểu 2.9: Phiếu xuất kho số 385

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Địa chỉ: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - Hải Phòng

THẺ KHO

Từ ngày 1/12 đến ngày 31/12/2009

Tên sản phẩm: Bột aga

Đơn vị tính: Kg

Ngày	Số PN	Số PX	Diễn giải	SL nhập	SL xuất	Tồn kho
			Tồn đầu kỳ			2 140
05/12		384	Công ty TNHH Ngọc Bắc		1 500	640
09/12		385	Công ty TNHH Đài Thọ		50	590
10/12	252		Nhập kho thành phẩm	2 240		2 830
10/12		386	Công ty Quang Mai		100	2 730
11/12		387	Công ty Ngọc Mai		50	2 680
					
			Cộng tháng 12/2009	8 490	8 500	
			Tồn cuối kỳ			2 130

Ngày... tháng... năm 2009

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.10: Thẻ kho

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Địa chỉ: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - Hải Phòng

Mẫu số S10-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU DỤNG CỤ(SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Tài khoản 155 - Thành phẩm

Tên thành phẩm: bột aga

Đơn vị tính: kg

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		Số dư đầu kỳ							2 140	310 300 000
PX 384	05/1 2	Bán bột aga 25g	632	145 000			1 500	217 500 000	640	92 800 000
PX 385	09/1 2	Bán bột aga 25g	632	145 000			50	7 250 000	590	85 550 000
PN 252	10/1	Nhập kho TP	154	145 052	2 240	324 916 480			2 830	410 466 480
									
		Cộng phát sinh			8 490	1 231 491 480	8 500	1 232 830 720		
		Số dư cuối kỳ							2 130	308 960 760

Ngày... tháng ... năm 2009

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu 2.11: Sổ chi tiết thành phẩm

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Địa chỉ: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - Hải Phòng

Mẫu số S11-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT
VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Tài khoản: 155 - thành phẩm

Từ ngày 01/12/2009 đến ngày 31/12/2009

Tên thành phẩm	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
	Slượng	Thành tiền	Slượng	Thành tiền	Slượng	Thành tiền	Slượng	Thành tiền
.....								
Đỗ hộp 380g	2 130	29 820 000	9 790	141 955 000	11 750	169 310 000	170	2 465 000
Aga bột 25g	2 140	310 300 000	8 490	1 231 491 480	8 500	1 232 830 720	2 130	308 960 760
Dưa bao tử 680g	2 100	15 750 000	5 980	47 840 000	3 200	24 550 000	4 880	39 040 000
Hành muối 380g	50	275 000	4 750	25 650 000	3 560	19 229 000	1 240	6 696 000
.....								
Cộng		951 991 756		3 689 738 203		2 902 898 459		1 738 831 500

Kế toán ghi sổ

Ngày... tháng ... năm 2009

Kế toán trưởng

Biểu 2.12: Bảng tổng hợp chi tiết thành phẩm

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Mẫu số S02a – DN

Địa chỉ: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - Hải Phòng Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số :200

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Nội dung	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Giá vốn Aga 25g	632	155	1 232 830 720	
Giá vốn đồ hộp 380g	632	155	169 310 000	
Giá vốn dưa bao tử 380g	632	155	24 550 000	
Giá vốn hành muối 380g	632	155	19 229 000	
.....				
Cộng			2 902 898 459	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu 2.13: Chứng từ ghi sổ

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Địa chỉ: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - Hải Phòng

Mẫu số - 02TT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm: 2009

Tên tài khoản: Thành phẩm

Số hiệu: 155

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ GS		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
			<u>Số dư đầu tháng 12/2009</u>		<u>951 991 756</u>		
31/12	199	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	154	3 689 738 203		
31/12	200	31/12	Xác định giá vốn hàng xuất kho	632		2 902 898 459	
			Cộng phát sinh tháng		3 689 738 203	2 902 898 459	
			<u>Số dư cuối tháng 12/2009</u>		<u>1 738 831 500</u>		

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu 2.14: Sổ cái TK 155

Giám đốc

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Địa chỉ: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - Hải Phòng

Mẫu số - 02TT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm: 2009

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: đồng

Ngày	Chứng từ GS		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
			<u>Số dư đầu tháng 12/2009</u>				
31/12	200	31/12	Xuất kho thành phẩm tiêu thụ	155	2 902 898 459		
31/12	205	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán xác định kết quả kinh doanh	911		2 902 898 459	
			Cộng phát sinh tháng		2 902 898 459	2 902 898 459	
			<u>Số dư cuối tháng 12/2009</u>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

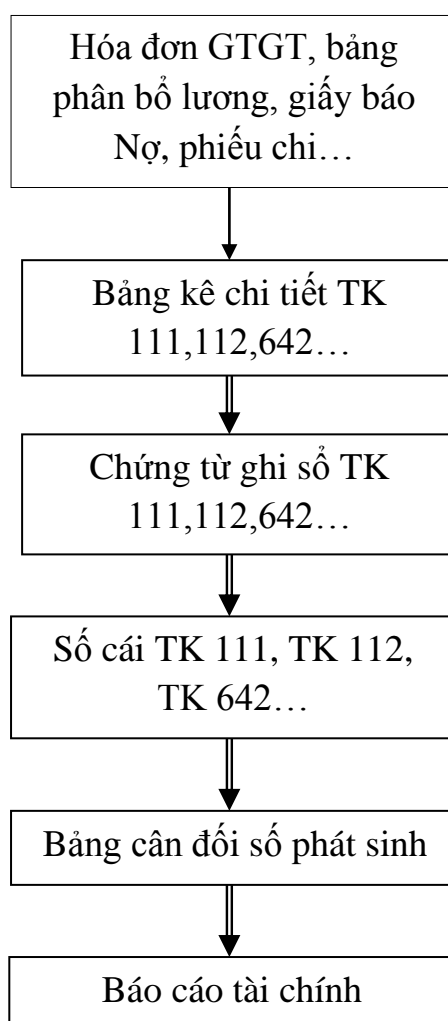
Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.15: Sổ cái TK 632

(Nguồn : Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

***Hạch toán chi phí quản lý Doanh nghiệp**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←-----→ Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý DN tại Công ty CP Việt Xô

Ví dụ 03:

Ngày 18/12/2009, Công ty CP Việt Xô mua máy scan với tổng giá thanh toán là 2 145 000 đồng (thuế suất thuế GTGT 10%). Công ty đã trả bằng tiền mặt. Căn cứ vào hóa đơn GTGT, kế toán viết phiếu chi và vào sổ sách liên quan.

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL														
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		CR/2009B														
Liên 2: (Giao khách hàng)		0076258														
<i>Ngày 18 tháng 12 năm 2009</i>																
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Hoàng Thiết																
Địa chỉ: Trường Sơn – An Lão – Hải Phòng																
Số tài khoản:.....																
Điện thoại:.....	MS:	<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> </tr> </table>	0	2	0	0	6	7	2	1	2	9				
0	2	0	0	6	7	2	1	2	9							
Họ và tên người mua hàng: Ngô Văn Phương																
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Việt Xô																
Địa chỉ: Số 1 – Bến Bính – Minh Khai – Hải Phòng.....																
Số tài khoản:.....																
Hình thức thanh toán: TM	MS:	<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> </tr> </table>	0	2	0	0	5	0	9	7	9	6				
0	2	0	0	5	0	9	7	9	6							
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền											
A	B	C	1	2	3=1x2											
1	Máy scan loại nhỏ	cái	1	1.950.000	1.950.000											
Cộng tiền hàng:.....					1.950.000											
Thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		195.000											
Tổng cộng tiền thanh toán:.....					2.145.000											
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn./.																
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị												
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)												

Biểu 2.16: Hóa đơn GTGT

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ**
Địa chỉ: Số 1 Bến Bính, Minh Khai, Hồng Bàng, HP
MST: 0200509796
Sdt: 0313.842.246

Mẫu số: **02- TT**
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số:04.....

Ngày 18 tháng 12 năm 2009

Số CT: PC 472

TK Nợ : 642, 133

TK Có : 111

Người nhận tiền: Ngô Văn Phương

Địa chỉ: Phòng văn thư

Lý do nộp: Trả tiền mua máy scan

Số tiền: 2 145 000 đ

Bằng chữ: Hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo:01..... chứng từ gốc.

Ngày 18 tháng 12 năm 2009

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 2.17: Phiếu chi

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Địa chỉ: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - Hải Phòng

BẢNG KÊ CHI TIẾT THÁNG 12 NĂM 2009

Ghi Có tài khoản 111

Ngày	Số CT	Diễn giải	Tiền trong CT	Ghi Nợ các tài khoản				
				152	642	133	211	...
							
17/12	PC 471	Thanh toán công tác phí	700 000		700 000			
18/12	PC472	Mua máy scan	2 145 000		1 950 000	195 000		
18/12	PC473	Mua tài sản cố định	10 500 000			500 000	10 000 000	
20/12	PC 474	Mua rau câu	2 675 000	2 675 000				
							
		Cộng	1 935 685 348	535 897 675	88 177 193	8 056 737	10 000 000	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Biểu 2.18: Bảng kê chi tiết Có TK 111

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Mẫu số S02a - DN

Địa chỉ: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ -BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số :192

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Nội dung	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi mua vật liệu	152	111	535 897 675	
Chi thanh toán chi phí QLDN	642	111	88 177 193	
Thuế GTGT được khấu trừ	133	111	8 056 737	
Mua Tài sản cố định	211	111	10 000 000	
.....				
Cộng			1 935 685 348	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu 2.19: Chứng từ ghi sổ

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Địa chỉ: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - Hải Phòng

Mẫu số - 02TT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm: 2009

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: đồng

Ngày	Chứng từ GS		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
			<u>Số dư đầu tháng 12/2009</u>				
31/12	192	31/12	Các khoản chi bằng tiền mặt	111	88 177 193		
31/12	194	31/12	Các khoản chi bằng tiền gửi ngân hàng	112	16 361 500		
						
31/12	205	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		143 757 122	
			Cộng phát sinh tháng		143 757 122	143 757 122	
			<u>Số dư cuối tháng 12/2009</u>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.20: Sổ cái TK 642

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

2.2.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.2.1 Đặc điểm quá trình xác định kết quả kinh doanh

Tại công ty cổ phần Việt Xô, việc xác định kết quả kinh doanh là việc so sánh giữa chi phí kinh doanh đã bỏ ra với thu nhập kinh doanh đã thu về trong kỳ, thường được tiến hành vào cuối kỳ hạch toán (thường là cuối tháng, quý, năm).

Cuối mỗi kỳ, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển sau để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ:

- Doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác sang bên Có của TK 911.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp, trị giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang bên Nợ của TK 911.

2.2.2.2 Chứng từ sử dụng

Để xác định kết quả kinh doanh, các chứng từ được sử dụng bao gồm các chứng từ liên quan đến việc xác định kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp như:

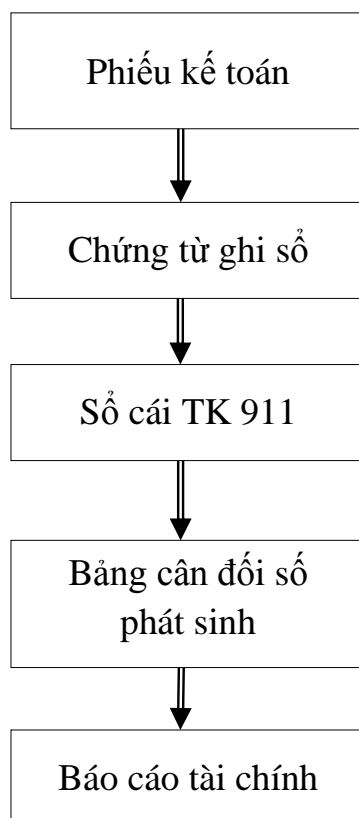
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác liên quan

2.2.2.3 Tài khoản sử dụng

Để xác định kết quả kinh doanh, các tài khoản được sử dụng bao gồm các tài khoản liên quan đến việc xác định doanh thu, chi phí và lợi nhuận khác của Doanh nghiệp như:

- Xác định doanh thu: TK 511, TK 515, TK 711
- Xác định chi phí: TK 632, TK 635, TK 642, TK 811
- Xác định kết quả kinh doanh: TK 911, TK 421

2.2.2.4 Quy trình hạch toán



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Việt Xô

Ví dụ 04:

Cuối tháng 12/2009, Kế toán tiến hành tổng hợp số liệu và sổ sách để xác định kết quả kinh doanh và thực hiện các bút toán kết chuyển.

- Lập phiếu kế toán để thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu (TK 511, TK 515, TK 711) và chi phí (TK 632, TK 635, TK 642, TK 811).
- Lập Chứng từ ghi sổ TK 911
- Vào Sổ cái TK 911, TK 421

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Địa chỉ: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 16/12

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911	511	911	3 112 535 116
Kết chuyển doanh thu HĐTC	515	911	1 011 590
Kết chuyển thu nhập khác	711	911	76 190 476
Cộng			3 189 737 182

Biểu 2.21: Phiếu kế toán số 16/12

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Địa chỉ: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 17/12

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển giá vốn hàng bán sang TK 911	911	632	2 902 898 459
Kết chuyển chi phí quản lý DN	911	642	143 757 122
Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	20 593 772
Kết chuyển chi phí khác	911	811	73 928 471
Cộng			3 141 177 824

Biểu 2.22: Phiếu kế toán số 17/12

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Địa chỉ: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Số: 18/12

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Tính chi phí thuế TNDN phải nộp	8211	3334	8 497 888
Cộng			8 497 888

Biểu 2.23: Phiếu kế toán số 18/12

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Địa chỉ: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Số: 19/12

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển chi phí thuế Thu nhập DN	911	8211	8 497 888
Cộng			8 497 888

Biểu 2.24: Phiếu kế toán số 19/12

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Địa chỉ: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Số: 20/12

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập DN	911	421	40 061 470
Cộng			40 061 470

Biểu 2.25: Phiếu kế toán số 20/12

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Mẫu số S02a - DN

Địa chỉ: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 204

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Nội dung	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển Doanh thu thuần	511	911	3 112 535 116	
Kết chuyển doanh thu tài chính	515	911	1 011 590	
Kết chuyển thu nhập khác	711	911	76 190 476	
Cộng			3 189 737 182	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu 2.26: Chứng từ ghi sổ 204

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Mẫu số S02a - DN

Địa chỉ: Số 1-Bến Bính-Minh Khai-HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số : 205

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Nội dung	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển Giá vốn	911	632	2 902 898 459	
Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	20 593 772	
Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	143 757 122	
Kết chuyển chi phí khác	911	811	73 928 471	
Kết chuyển CP thuế TNDN	911	8211	8 497 888	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	911	421	40 061 470	
Cộng			3 189 737 182	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu 2.27: Chứng từ ghi sổ 205

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Mẫu số - 02TT

Đ/c: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai – Hải Phòng

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm: 2009

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: đồng

Ngày	Chứng từ GS		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
			<u>Số dư đầu tháng 12/2009</u>				
31/12	204	31/12	Kết chuyển Doanh thu thuần	511		3 112 535 116	
31/12	204	31/12	Kết chuyển Doanh thu tài chính	515		1 011 590	
31/12	204	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		76 190 476	
31/12	205	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	2 902 898 459		
31/12	205	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	20 593 772		
31/12	205	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	642	143 757 122		
31/12	205	31/12	Kết chuyển chi phí khác	811	73 928 471		
31/12	205	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	8211	8 497 888		
31/12	205	31/12	Lợi nhuận sau thuế TNDN	421	40 061 470		
			Cộng phát sinh tháng		3 189 737 182	3 189 737 182	
			<u>Số dư cuối tháng 12/2009</u>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.28: Sổ cái TK 911

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Mẫu số - 02TT

Đ/c: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ)

Năm: 2009

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: đồng

Ngày	Chứng từ GS		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
			<u>Số dư đầu tháng 12/2009</u>			<u>13 713 588</u>	
31/12	205	31/12	Kết chuyển lãi	911		40 061 470	
31/12	206	31/12	Bổ sung quỹ đầu tư phát triển	414	48 000 000		
			Cộng PS tháng		48 000 000	40 061 470	
			<u>Số dư cuối tháng 12/2009</u>			<u>5 775 058</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.29: Sổ cái TK 421

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tháng 12 năm 2009)

2.2.3 Báo cáo liên quan đến quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Việt Xô

Công ty cổ phần Việt Xô

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - Hải Phòng

Năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	16 415 017 557	13 502 641 118
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		16 415 017 557	13 502 641 118
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	15 218 462 232	12 187 482 678
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1 196 555 325	1 315 158 440
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2 314 621	15 160 556
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	75 838 610	20 400 532
	-Trong đó chi phí lãi vay	23		75 838 610	20 400 532
8	Chi phí bán hàng	24			
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		842 972 658	815 353 081
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		280 058 678	494 565 383
11	Thu nhập khác	31		203 628 197	304 834 763
12	Chi phí khác	32		166 998 978	107 103 326
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		36 629 219	197 731 437
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		316 687 897	692 296 820
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	55 420 382	186 675 271
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30		
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		261 267 515	505 621 549

Ngày tháng năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

3.1 Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Việt Xô

3.1.1 Ưu điểm

* Về tổ chức bộ máy kế toán

- Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Toàn bộ công tác kế toán tập trung tại phòng kế toán. Với 4 thành viên kế toán, mỗi người đều nhận nhiệm vụ riêng, tuy khối lượng nghiệp vụ kế toán phát sinh là khá nhiều nhưng vẫn đảm bảo việc kiểm tra, đối chiếu kịp thời và chính xác số liệu giữa các phân hành, đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn của mình. Chứng từ sau khi được các phòng thu thập, kiểm tra, xử lý sẽ được gửi về phòng kế toán để kiểm tra lại tính chính xác, hợp lệ của chứng từ, tổng hợp thực hiện việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo kế toán. Bên cạnh đó, kế toán tổng hợp đã kịp thời theo dõi chính xác tình hình biến động của hàng hoá, giá cả hàng hoá và xu hướng hàng hoá trên thị trường, tính toán chính xác thu nhập và chi phí phát sinh của hoạt động bán hàng, của hoạt động tài chính cũng như các hoạt động khác. Phân bổ một cách hợp lý các chi phí cho từng mặt hàng tiêu thụ, quản lý hạch toán với từng khách hàng, xác định kết quả kinh doanh ở từng thời điểm cụ thể. Mô hình này phù hợp với địa bàn, quy mô hoạt động của Công ty, đảm bảo quản lý tập trung và thống nhất của công tác kế toán, dễ phân công, kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kịp thời, giúp ban lãnh đạo nắm bắt được tình hình hoạt động của Công ty.

* Về tổ chức ghi sổ kế toán, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sử dụng

- Hiện nay Công ty đang áp dụng ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ. Hình thức này có ưu điểm là mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu, dễ kiểm tra, thuận lợi cho việc phân công lao động, phù hợp với quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của Công ty.

- Việc sử dụng chứng từ và luân chuyển chứng từ tại Công ty cơ bản là thực hiện đúng theo quy định của Bộ Tài Chính ban hành. Công ty sử dụng hệ thống tài khoản theo Quyết định số 15/2006/QĐ/BTC trong hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tương đối phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công ty áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của Công ty. Mặt khác, kế toán tồn kho theo phương pháp này theo dõi được thường xuyên liên tục tình hình nhập, xuất, giúp cho Công ty quản lý hàng hóa dễ dàng hơn, chính xác hơn và có kế hoạch cung cấp hàng hóa hợp lý, đảm bảo cho quá trình kinh doanh không bị gián đoạn, đồng thời không có ứ đọng hàng hóa trong kho.

*** Về phương thức thanh toán**

Do hoạt động của Công ty là sản xuất kinh doanh các mặt hàng chủ yếu phục vụ cho tiêu dùng của nhân dân với 2 hình thức bán lẻ và bán buôn hàng hoá, hàng hoá lại vô cùng đa dạng và phong phú. Ngoài việc thanh toán bằng tiền mặt thì hình thức thanh toán bằng chuyển khoản cũng đem lại rất nhiều thuận lợi hữu ích cho công ty.

*** Về công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh**

Trên cơ sở đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty, kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn để đưa ra hệ thống sổ sách ghi chép, xác định chính xác doanh thu, chi phí. Kế toán bán hàng bên cạnh việc cung cấp thông tin kịp thời chính xác cho các cơ quan chức năng: cơ quan thuế, ngân hàng... còn cung cấp đầy đủ thông tin cho ban lãnh đạo công ty, giúp cho nhà quản lý, đầu tư có những quyết định đúng đắn về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đề ra những chiến lược kinh doanh nắm bắt thị trường một cách kịp thời và có hiệu quả. Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của Công ty một cách kịp thời, chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của Công ty.

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm, công tác kế toán tại công ty còn tồn tại những mặt hạn chế sau, cụ thể:

* Về phương thức hạch toán kế toán

- Kế toán làm trên máy tính dùng bảng tính Excel tuy có tiết kiệm thời gian song đôi khi vẫn có sự nhầm lẫn về số liệu.

- Phương pháp tính giá hàng xuất kho của Công ty đang áp dụng hiện nay là phương pháp nhập trước xuất trước. Đây là một phương pháp đơn giản, dễ hiểu, nhưng với khối lượng hàng hóa đa dạng và phong phú của Công ty thì việc tính giá vốn theo phương pháp này gặp nhiều khó khăn. Công ty nên thay đổi tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn (Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập). Với phương pháp này tuy khối lượng tính toán tương đối nhiều nhưng với sự hỗ trợ của máy tính thì việc tính giá hàng xuất kho của từng mặt hàng sẽ trở lên dễ dàng và nhanh chóng hơn rất nhiều. Tình hình giá cả trên thị trường biến động như hiện nay thì tính kịp thời của công tác kế toán là hết sức quan trọng. Vì vậy Công ty nên tính toán và có những thay đổi phù hợp với cơ chế thị trường và với yêu cầu thực tế của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công thức tính giá hàng xuất kho bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn kho sau lần nhập } i}$$

- Hiện nay Công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh là một trong những biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty, đẩy tăng doanh thu tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của Doanh nghiệp.

- Mặc dù Công ty sử dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán theo chuẩn mực kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ/BTC nhưng Công ty không

hạch toán riêng chi phí bán hàng mà hạch toán vào TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

* Về hệ thống sổ kế toán

- Công ty chưa có sổ chi phí sản xuất kinh doanh, để theo dõi hoạt động của các loại chi phí trong kỳ kế toán.

- Công ty ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ nhưng trong quá trình hạch toán, Công ty không sử dụng “ Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ” khiến cho việc quản lý các chứng từ ghi sổ không được sắp xếp thuận lợi cho việc vào sổ cái, khó khăn trong việc kiểm tra, đối chiếu.

3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Việt Xô

3.2.1 Yêu cầu và nguyên tắc của việc hoàn thiện

3.2.1.1 Yêu cầu của việc hoàn thiện

Việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh cần thiết phải được hoàn thiện hơn trong cơ chế quản lý kinh tế mới, đáp ứng được yêu cầu quản lý trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các doanh nghiệp. Muốn vậy mỗi doanh nghiệp cần tìm cho mình một hướng đi đúng, tự hoàn thiện mình để đứng vững trên thị trường.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh cần đảm bảo những yếu tố sau:

- Cung cấp số liệu về doanh thu bán hàng và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan, dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

- Số liệu kế toán phải được phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Việc này là điều kiện hết sức cần thiết và quan trọng đối với các cơ quan chức năng: Đối với cơ quan thuế – giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước; Đối với ngân hàng – giúp cho việc tính lãi tiền vay, tiền gửi, thu hồi vốn và lãi; Quan trọng là đối với ban lãnh đạo doanh nghiệp trong việc đưa ra phương hướng và kế hoạch cụ thể cho từng kỳ kinh doanh tiếp theo.

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và công khai, đây là điều kiện đặc biệt quan tâm của cả doanh nghiệp và các đối tác tham gia góp vốn liên doanh.
- Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi. Bất kỳ trong một doanh nghiệp nào dù tư nhân hay nhà nước đều có chung mong muốn là tiết kiệm được chi phí sản xuất kinh doanh, thu lợi nhuận cao, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

3.2.1.2 Nguyên tắc của việc hoàn thiện

Để đáp ứng được các yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, việc hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Việt Xô dựa trên nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Để đáp ứng nhu cầu quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước, Nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống kế toán và chế độ kế toán. Đây là những văn bản pháp quy có tính bắt buộc. Bởi vậy khi hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh đòi hỏi người quản lý phải xem xét ở mọi khía cạnh sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ kê toán. Mặc dù vậy, doanh nghiệp cần có sự linh hoạt trong việc vận dụng chế độ kế toán phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh của Công ty.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh, trình độ và yêu cầu quản lý. Do vậy việc vận dụng hệ thống chế độ thể lệ tổ chức kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin phải nhanh chóng, kịp thời, chính xác và phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện phải trên cơ sở tiết kiệm và hiệu quả.

3.2.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Việt Xô

Sau thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ phần Việt Xô, dưới góc độ là một sinh viên em xin mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến nhỏ nhằm hoàn thiện về công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

3.2.2.1 Hoàn thiện phương pháp hạch toán kế toán

Là một doanh nghiệp có quy mô khá lớn, sản xuất và kinh doanh các mặt hàng đa dạng và phong phú, bên cạnh đó lại sử dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ/BTC. Tuy nhiên, kế toán không sử dụng Tài khoản 641 – “Chi phí bán hàng” trong quá trình hạch toán cũng như trong sổ sách kế toán của công ty. Kế toán nên mở sổ chi phí bán hàng để theo dõi một cách chính xác từng loại chi phí, từ đó có kế hoạch sử dụng chi phí một cách tiết kiệm, hợp lý, làm giảm giá thành hàng hóa dịch vụ mang lại lợi nhuận, tăng doanh thu cho công ty.

3.2.2.2 Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán tại Công ty Cổ phần Việt Xô

➤ Công ty nên bổ sung sổ chi phí sản xuất kinh doanh, để theo dõi hoạt động của các loại chi phí nhanh chóng, hiệu quả hơn.

Ví dụ 01: Từ Ví dụ 04 – Phần 2 “ Thực trạng tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Việt Xô”, Kế toán vào Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Địa chỉ: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - HP

Mẫu số S36- DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632

Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý Doanh nghiệp

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra			
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	6421	...	6427	6428
			Số dư đầu tháng 12/2009							
			Số phát sinh trong tháng							
17/12	PC 471	17/12	Thanh toán công tác phí	111	700 000					700 000
18/12	PC 472	18/12	Mua máy scan	111	1 950 000				1 950 000	
...									
31/12	Bảng TT lương	31/12	Trả lương NV quản lý	334	63 700 000			63 700 000		
			Kết chuyển chi phí QLDN				143 757 122			
			Cộng phát sinh tháng		143 757 122	143 757 122				
			Số dư cuối tháng 12/2009							

Ngày... tháng... năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

➤ Công ty nên mở thêm Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Đây là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian. Sổ này vừa dùng để đăng ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, quản lý chứng từ ghi sổ, vừa để kiểm tra, đối chiếu số liệu với Bảng cân đối số phát sinh.

Ví dụ 02: Từ các chứng từ ghi sổ trong phần 2 – “Thực trạng tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Việt Xô”, kế toán vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ:

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

Mẫu số S02b - DN

Đ/c: Số 1 - Bến Bính - Minh Khai - HP Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	ngày tháng		Số hiệu	ngày tháng	
192	31/12	1 935 685 348			
193	31/12	1 957 226 400			
.....					
200	31/12	2 902 898 459			
204	31/12	3 189 737 182			
205	31/12	3 189 737 182			
.....					
Cộng		141 529 215 875	Cộng		

Ngày ... tháng ... năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.2.3 Hoàn thiện kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều tập thể và cá nhân sản xuất kinh doanh các mặt hàng cạnh tranh với công ty nên tình hình kinh doanh diễn ra khá gay gắt. Công ty hiện đang có một số lượng khá đáng kể khách hàng truyền thống lâu năm. Những khách hàng này thường mua hàng với số lượng lớn, thanh toán bằng chuyển khoản. Do vậy công ty nên áp dụng một số biện pháp khuyến mại như chiết khấu thương mại khi bán hàng với số lượng lớn hay giảm giá cho người mua khi sản phẩm kém phẩm chất hay chưa đúng quy cách theo quy định. Khi áp dụng các biện pháp này, kế toán mở TK 521 – “Chiết khấu thương mại” và TK 532 – “giảm giá hàng bán” để theo dõi. Bên cạnh đó, kế toán mở TK 531 – “Hàng bán bị trả lại” để phản ánh trị giá của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách...

- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 521, TK 531, TK 532:

Bên Nợ	TK 521, TK 531, TK532	Bên Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán. 		<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang Tài khoản 511 “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.
Tổng phát sinh Nợ		Tổng phát sinh Có

TK 521, 531, 532: không có số dư cuối kỳ

+) Phản ánh số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán thực tế phát sinh trong kỳ ; thanh toán với người mua hàng về số tiền của hàng bán bị trả lại, ghi:

Nợ TK 521, TK 531, TK 532: Số CKTM, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại

Nợ TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111, 112, 131:

+) Cuối kỳ kết chuyển số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang TK 511, ghi:

Nợ TK 511:

Có TK 521, TK 532, TK 531:

Với các biện pháp khuyến mại này, công ty không chỉ giữ được khách hàng truyền thống mà còn có thể tăng được khối lượng khách hàng mới trong tương lai. Sự ưu tiên của công ty trong việc bán hàng và thanh toán thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường. Việc mở thêm tài khoản này góp phần hoàn thiện đầy đủ , cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán cho công ty, đáp ứng được yêu cầu của kế toán tiêu thụ.

3.2.2.4 Hoàn thiện hệ thống quản lý sổ sách trên máy tính bằng phần mềm kế toán

Kế toán làm trên máy tính dùng bảng tính Excel tuy có tiết kiệm thời gian song đôi khi vẫn có sự nhầm lẫn về số liệu, gây ra những sai sót không đáng có. Để góp phần hiện đại hóa và nâng cao công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm thời gian của nhân viên kế toán, giải quyết cho kế toán khỏi việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu tính toán, tổng hợp một cách đơn điệu nhàm chán, Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán trên máy. Phần mềm kế toán được ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả trực tiếp thiết thực cho doanh nghiệp.

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán đã quy định. Phần mềm kế toán không

hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán được ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính:

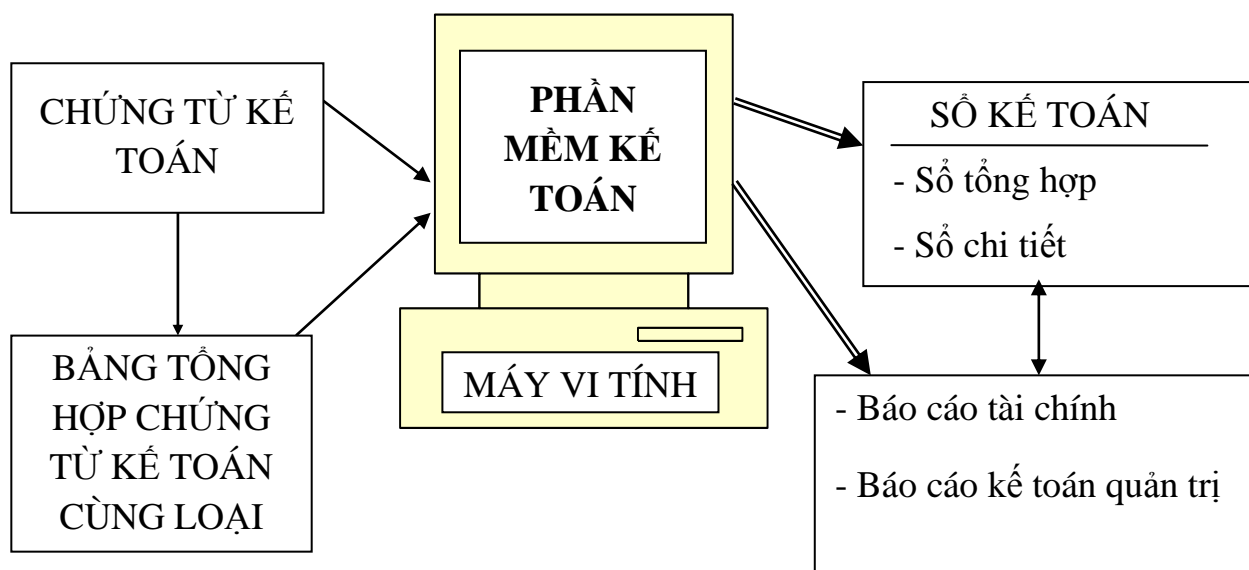
(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán là một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống công cụ quản lý kinh tế, tài chính, có vai trò quan trọng trong công tác quản lý, điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế. Với tư cách là công cụ quản lý kinh tế tài chính, kế toán đảm nhiệm hệ thống tổ chức thông tin có ích cho các quyết định kinh tế. Vì vậy, kế toán có vai trò đặc biệt quan trọng không chỉ với hoạt động tài chính Nhà nước mà còn góp phần rất quan trọng với hoạt động tài chính của Doanh nghiệp.

Công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh là phần kế toán quan trọng để lập các báo cáo tài chính, là cơ sở để đưa ra các biện pháp phân đầu tăng doanh thu bán hàng, tối đa hóa lợi nhuận. Hòa cùng sự phát triển của nền kinh tế, hệ thống kế toán Việt Nam không ngừng hoàn thiện và phát triển, góp phần quan trọng vào việc tăng cường chất lượng quản lý kinh tế của Doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế Nhà nước nói chung. Từ những đặc điểm của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như vai trò quan trọng của công tác hạch toán kế toán, Công ty cổ phần Việt Xô đã lựa chọn hình thức kế toán phù hợp và đạt được nhiều kết quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Từ đó, góp phần mở rộng quy mô sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Qua bài viết này, em xin chân thành cảm ơn các Thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã truyền đạt cho em những kiến thức quý báu trong suốt thời gian học tập. Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo cùng tập thể nhân viên phòng kế toán Công ty Cổ phần Việt Xô đã nhiệt tình hướng dẫn tạo điều kiện cho em trong suốt thời gian thực tập. Và đặc biệt em xin nói lời cảm ơn sâu sắc tới Thạc sĩ Nguyễn Thị Thúy Hồng – Giảng viên trường ĐHDL Hải Phòng đã tận tình hướng dẫn giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 20 tháng 06 năm 2010

Sinh viên

Bùi Thị Trang

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 – Năm 2006 - Nhà xuất bản Tài chính.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 – Năm 2006 - Nhà xuất bản Tài chính.
3. Hướng dẫn thực hành chế độ Kế toán doanh nghiệp mới – PGS. TS Võ Văn Nhị - Năm 2006 - Nhà xuất bản tài chính
4. Hướng dẫn thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp - PGS. TS Võ Văn Nhị - Năm 2008 – Nhà xuất bản giao thông vận tải
5. Hướng dẫn lý thuyết & thực hành theo chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam năm 2009 - PGS. TS Võ Văn Nhị - Năm 2009 – Nhà xuất bản tài chính
6. Các tài liệu tham khảo khác.